



BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 09/12/2021 của Huyện uỷ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2022; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện nhà đã chủ động, quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt tập trung vào 07 nhiệm vụ trọng tâm theo từng chuyên đề và đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- *Về sản xuất nông nghiệp:* Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng; đồng thời, chủ động các phương án phòng chống hạn, dịch bệnh trên cây trồng. Tổng diện tích gieo trồng 18.786,1 ha, bằng 89,9% kế hoạch, tăng 3,2% so với cùng kỳ⁽¹⁾. Tổng sản lượng lương thực 4.194 tấn, bằng 23,8% kế hoạch và tăng 7% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm, triển khai trồng mới 320 ha cây công nghiệp các loại, trong đó: 170 ha cây ăn quả, 120 ha mắc ca, 15 ha dâu tằm; 15 ha điều.

* **Diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:** Toàn huyện có 777,5 ha⁽²⁾ đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 25 ha đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ (10 ha mắc ca và 15 ha sầu riêng); 04 mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh (mô hình IoT); 18 ha nhà kính

⁽¹⁾ Trong đó, cây hàng năm 2.594 ha, bằng 56,4% kế hoạch và tăng 2,1% so với cùng kỳ; cây lâu năm 16.192,1 ha, bằng 99,4% kế hoạch, tăng 3,4% so với cùng kỳ.

⁽²⁾ Rau hoa thương phẩm 17,7 ha; cây ăn quả 750 ha và nuôi cá tằm 9,7 ha.

trồng rau, hoa và hơn 600 ha sản xuất ứng dụng các tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao; có 09 chuỗi liên kết⁽³⁾; 06 sản phẩm OCOP cấp tỉnh⁽⁴⁾.

- *Về Chăn nuôi*: 6 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn huyện đã xuất hiện một số ổ dịch tả lợn Châu Phi tại xã Rô Men và Đạ Rsal thiệt hại 95 con/5.731kg. Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các biện pháp dập dịch, không để lây lan trên diện rộng; hiện nay, tình hình dịch cơ bản đã được khống chế. Tổng đàn gia súc hiện có 11.630 con⁽⁵⁾; tổng đàn gia cầm, thủy cầm 183 nghìn con, bằng 100% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện 175 ha.

- *Về lâm nghiệp*: Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy luôn quan tâm, chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý bảo vệ rừng; thường xuyên chỉ đạo tổ chức các đợt cao điểm kiểm tra, truy quét tại các khu vực trọng điểm về phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép; kiên quyết chỉ đạo kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân để xảy ra vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật, với quan điểm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”; đến nay, công tác quản lý bảo vệ rừng có chuyển biến tích cực. 6 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện đã phát hiện và xử lý 19 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm 26 vụ so với cùng kỳ, tương đương giảm 57,78%; diện tích thiệt hại 52.881 m² (tăng 4.626 m² so với cùng kỳ, tăng 9,58%); về khối lượng lâm sản thiệt hại 19,32 m³ (giảm 275,525 m³ so với cùng kỳ, giảm 93,45%). Đã xử lý 12/19 vụ, trong đó: đã xử lý hành chính 9 vụ; 03 vụ hình sự; 07 vụ đang tiếp tục điều tra; tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm sung quỹ Nhà nước: 3,168 m³ gỗ tròn, xẻ các loại; thu nộp ngân sách Nhà nước 340.025.000 đồng.

Đồng thời, chỉ đạo tổ chức giải tỏa diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái phép theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽⁶⁾. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng 4,4 triệu cây xanh năm 2022; tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện; mùa khô 2021- 2022 trên địa bàn huyện không xảy ra cháy rừng.

³ Dâu tằm 02 chuỗi, chuỗi Laba 02 chuỗi, sản xuất rau thương phẩm 02 chuỗi, sản xuất sầu riêng 01 chuỗi, sản xuất Mắc ca 01 chuỗi, nuôi cá tầm 01 chuỗi.

⁴ Chuối Laba, xã Đạ K’Nang; Hạt mắc ca sấy, xã Phi Liêng; cà phê phin và Trà dây rừng, xã Liêng Srônh; Dứa mật, xã Rô Men; Sầu riêng, xã Đạ Rsal.

⁽⁵⁾ Trong đó, đàn trâu 178 con, đạt 111,3% kế hoạch, tăng 14,8% so với cùng kỳ; đàn bò 5.483 con, đạt 90,2% kế hoạch và bằng 95,4% so với cùng kỳ; đàn heo 5.399 con, đạt 75% kế hoạch và bằng 84,3% so với cùng kỳ; đàn dê 250 con bằng 27% kế hoạch.

⁽⁶⁾ Trong 06 tháng đầu năm, đã giải tỏa cây trồng trái phép trên đất lâm nghiệp bị lấn chiếm với tổng diện tích: 74,51 ha.

+ Hiện nay, các đơn vị chủ rừng đang tập trung chuẩn bị hiện trường để trồng rừng năm 2022 với tổng diện tích 142,12 ha⁽⁷⁾. Duy trì giao khoán QLBRV toàn huyện 39.223,6 ha⁽⁸⁾.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị kỹ nội dung và các điều kiện phục vụ Đoàn giám sát số 32 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản*” đối với Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông và một số cán bộ chủ chốt thuộc Đảng bộ huyện Đam Rông.

- *Chương trình xây dựng nông thôn mới*: Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với quyết tâm chính trị cao nhất; đã ban hành Nghị quyết 07-NQ/HU, ngày 06/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (*khóa IV*) Về xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn xã Đạ Tông xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới chưa đạt, phấn đấu đến cuối năm 2022 xã Đạ Tông về đích xã nông thôn mới. Tổng nguồn vốn đầu tư trực tiếp xây dựng nông thôn mới được phân bổ đến nay là 22.000 triệu đồng (*trong đó: ngân sách tỉnh 22.000 triệu đồng*), đã giải ngân 12.510 triệu đồng, đạt 56,86% so với kế hoạch vốn phân bổ⁽⁹⁾.

1.2. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; giao thông vận tải, thương mại - dịch vụ

- Ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển. Giá trị sản xuất theo giá so sánh ước 6 tháng đạt 99.466,2 triệu đồng, bằng 47,9% kế hoạch, tăng 1,7% so với cùng kỳ; trong đó khu vực cá thể đạt 45.033,8 triệu đồng, đạt 91,5% so với cùng kỳ.

- Giao thông vận tải cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển lưu thông hàng hóa của nhân dân; tổng doanh thu ngành vận tải 6 tháng ước đạt 112.545 triệu đồng, bằng 58,5% so với kế hoạch, tăng 22,3% so với cùng kỳ⁽¹⁰⁾.

- Thương mại, dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của người dân; các mặt hàng đa dạng, phong phú, giá cả ổn định.

⁽⁷⁾ Trong đó: trồng rừng thay thế 42,44 ha, trồng rừng sau giải tỏa 46,68 ha, trồng rừng trên đất trống 53 ha.

⁽⁸⁾ trong đó: chủ rừng là tổ chức Nhà nước 37.482,10 ha, chủ rừng là tổ chức ngoài Nhà nước 1.346,92 ha, chủ rừng cộng đồng 404,58 ha.

⁽⁹⁾ Đến nay, có 04/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Đạ R'Sal, Rô Men, Phi Liêng và Đạ K'nàng*), trong đó: Xã Đạ R'Sal được công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020, đang xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về môi trường; xã Rô Men đạt 7/14 tiêu chí NTM nâng cao, xã Phi Liêng đạt 7/14 tiêu chí NTM nâng cao; xã Đạ Long: 15/19 tiêu chí; xã Đạ M'Rông: 16/19 tiêu chí; xã Liêng Srônh và Đạ Tông: 17/19 tiêu chí.

⁽¹⁰⁾ Trong đó, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 394,4 nghìn tấn, bằng 59% so với kế hoạch, tăng 24,2% so với cùng kỳ; khối lượng vận tải hành khách ước đạt 242,8 nghìn người, bằng 55,6% so với kế hoạch và 122,6% so với cùng kỳ.

1.3. Xây dựng cơ bản: Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ là 216.300 triệu đồng, đầu tư xây dựng 80 công trình, dự án ⁽¹¹⁾. Tính đến ngày 20/6/2022, giá trị giải ngân các nguồn vốn đạt 49,85% so với kế hoạch vốn phân bổ. Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, phân bổ các nguồn vốn được giao.

- Về tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của huyện theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tháng 5/2022, Ban Chỉ đạo thực hiện các công trình trọng điểm giai đoạn 2020 - 2025 tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của huyện, đề ra biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đẩy nhanh tiến độ thi công. Tiến độ thực hiện các dự án, công trình cụ thể:

+ Trong số 08 công trình trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020 - 2025, đã có 02 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; 01 công trình hoàn thành giai đoạn 1; 03 công trình đang tiếp tục triển khai thực hiện; 01 công trình sẽ bắt đầu triển khai thực hiện trong quý I/2023 và 01 dự án đang chờ điều chỉnh quy hoạch Thị trấn Bằng Lũng để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

+ Tình hình thực hiện 08 công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020 - 2025: đến nay, 01 công trình đang triển khai thi công; 05 công trình, dự án đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai thực hiện; 02 dự án còn lại sẽ được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025.

(kèm theo phụ lục I)

- Về tình hình triển khai thực hiện các dự án theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: có 19 công trình ưu tiên đầu tư nguồn vốn nhà nước giai đoạn 2021-2025; đến nay, có 03 dự án đang triển khai (03 dự án này nằm trong danh mục các công trình trọng điểm mới của huyện), còn lại 16 công trình đang khảo sát lập hồ sơ.

(kèm theo phụ lục II)

1.4. Thu, chi ngân sách và hoạt động tín dụng

- **Thu ngân sách:** Tính đến ngày 21/6/2022, tổng thu ngân sách 59.700 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch tỉnh, tăng 110% so với cùng kỳ (thuế, phí và lệ phí là:

⁽¹¹⁾ Trong đó: 03 công trình trả nợ; 40 công trình, dự án chuyển tiếp; 31 dự án, công trình khởi công xây dựng mới và 06 công trình thu hồi vốn ứng trước.

36.528 triệu đồng đạt 107% kế hoạch tỉnh; thu tiền sử dụng đất, thuê đất là: 19.271 triệu đồng đạt 66% kế hoạch tỉnh; thu khác ngân sách là: 3.585 triệu đồng, đạt 99,58% kế hoạch tỉnh.

- *Chi ngân sách*: Chi ngân sách địa phương 6 tháng ước đạt 214.413 triệu đồng, bằng 86,5% so với cùng kỳ và 47,9% kế hoạch. Các khoản chi đảm bảo đúng chế độ và Luật Ngân sách.

- *Hoạt động tín dụng*: Cơ bản đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; các nguồn vốn cho vay đã tạo điều kiện cho người dân đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và vươn lên thoát nghèo. Tổng doanh số cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện là 1.279 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 1.569 tỷ đồng.

1.5. Về quản lý đất đai và tài nguyên, khoáng sản

Tiếp tục chỉ đạo chính quyền các cấp tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản; đã ban hành Kế hoạch số 54-KH/HU, ngày 07/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc “*Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Đam Rông*”. Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện; đồng thời, chỉ đạo thanh tra toàn diện, đột xuất việc san gạt mặt bằng trái phép trên địa bàn huyện. Trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022; rà soát, điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030; triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các công trình; việc cấp giấy CNQSD được quan tâm thực hiện⁽¹²⁾.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

- *Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao*: Đã tập trung công tác tuyên truyền gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các sự kiện trọng đại, kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước và địa phương; tổ chức các hoạt động phục vụ nhân dân vui xuân đón tết; tuyên truyền kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2022); kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 -30/4/2022), 132 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2022); tiếp tục đẩy mạnh “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ*

¹² Trong 6 tháng đầu năm, cấp mới 722 giấy CNQSD đất với diện tích 387,42 ha; giải quyết 292 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 6,33ha; giải quyết 26 hồ sơ xin san lấp, cải tạo mặt bằng làm nhà ở với diện tích 0,64m²; 47 hồ sơ xin san gạt mặt bằng cải tạo đất để sản xuất nông nghiệp với diện tích 12,14ha; thu hồi đất 47 hộ/102.689 m² của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn huyện để xây dựng 02 công trình.

- Chỉ đạo kiểm tra 32 đợt kiểm tra hoạt động khai thác - tập kết khoáng sản, tài nguyên nước, san lấp mặt bằng, bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện; xử lý 01 trường hợp lĩnh vực đất đai tại xã Rô Men với số tiền 20 triệu đồng.

Chí Minh”... Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tiếp tục được đẩy mạnh, lan tỏa sâu rộng trong nhân dân. Tăng cường tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh Covid-19⁽¹³⁾. Phong trào thể dục - thể thao được duy trì.

- *Giáo dục - đào tạo*: Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong nhà trường. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo. Hệ thống trường lớp học, quy mô giáo dục tiếp tục được sắp xếp theo hướng tập trung, tăng quy mô trường, giảm điểm lẻ. Đến nay, ngành giáo dục và đào tạo huyện nhà đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 đã đề ra⁽¹⁴⁾; hiện các trường đang tổ chức cho học sinh ôn tập chuẩn bị kỳ thi cuối năm và tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2021 - 2022.

- *Y tế*: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo đảm thường trực cấp cứu 24/24 giờ; thực hiện tốt y tế dự phòng các bệnh dịch theo mùa, nhất là bệnh sốt xuất huyết, bạch hầu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện⁽¹⁵⁾. Phát hiện 02 ổ dịch Sốt xuất huyết tại xã Liêng Srônh và Rô Men; Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện đẩy mạnh các hoạt động phòng chống dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn, khoanh vùng, xử lý không để dịch lây lan ra cộng đồng; các trường hợp mắc bệnh Sốt xuất huyết đã được điều trị khỏi bệnh.

- *Công tác phòng chống dịch Covid-19*: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế, thích ứng với dịch bệnh, không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện được khống chế, không có nhiễm bệnh mới. Công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19 tiếp tục được chú trọng, đảm bảo theo kế hoạch⁽¹⁶⁾.

⁽¹³⁾ Trong 06 tháng, đã thực hiện các chương trình phát thanh tiếng phổ thông với 683 tin; 138 phóng sự, ghi nhanh, gương người tốt, việc tốt, phản ánh; thực hiện 15 chuyên mục tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19; chương trình phát thanh tiếng K’Ho với 367 tin; 134 phóng sự; thực hiện 05 chương trình mừng Đảng, mừng Xuân Nhâm Dần 2022; thực hiện 01 trang địa phương Truyền hình phát trên sóng đài PT-TH Lâm Đồng,... đưa trên 120 tin, bài, phóng sự, 1.265 văn bản lên Website của huyện;...

⁽¹⁴⁾ Tổng kết năm học 2021-2022, toàn huyện có 37 trường và 1 Trung tâm GDNN & GDTX; có 26 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 70,27%; tổng số học sinh toàn huyện: 16.359 học sinh. Tỷ lệ duy trì sỹ số và lên lớp, học lực, hạnh kiểm các bậc học khá cao. Toàn huyện có 470 học sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT tại 03 điểm thi vào ngày 07 đến 08/7/2022; đồng thời, triển khai kế hoạch hoạt động hè, chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất phục vụ năm học mới 2022 - 2023.

⁽¹⁵⁾ Trong 6 tháng, đã tổ chức khám chữa bệnh cho 15.810 lượt người, điều trị 2.107 bệnh nhân (*điều trị nội trú 1.797 bệnh nhân, ngoại trú 310 bệnh nhân*); tổ chức kiểm tra các cơ sở y dược tư nhân, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với 86 cơ sở, qua kiểm tra nhắc nhở 05 cơ sở kinh doanh thực phẩm khắc phục những tồn tại.

⁽¹⁶⁾ Tính đến ngày 20/6/2022, đã tổ chức tiêm được 47 đợt, với tổng số 127.788 mũi; trong đó, mũi 1: 46.526 mũi, chiếm 83,4% độ bao phủ/dân số chung; mũi 2: 41.621 mũi, chiếm 74,6% độ bao phủ/dân số chung; mũi 3: 28.866 mũi, chiếm 51,8% độ bao phủ/dân số chung; mũi 4: 10.775 mũi, chiếm 19,3% độ bao phủ/dân số chung.

- Thực hiện tốt chính sách đảm bảo an sinh xã hội; các chính sách trợ cấp người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhất là trong dịp tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, đã tổ chức thăm hỏi, trợ cấp, hỗ trợ các đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, hỗ trợ các đối tượng do ảnh hưởng của dịch Covid-19; hỗ trợ Trung tâm y tế huyện với tổng số tiền 8.095,8 triệu đồng.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động được quan tâm chỉ đạo: Trong 6 tháng đầu năm, có 01 trường hợp công dân ở xã Đa Rsal đăng ký đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc.

3. Chương trình giảm nghèo

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn; lồng ghép các chương trình, dự án; xây dựng các mô hình giảm nghèo để các hộ vươn lên thoát nghèo bền vững theo kế hoạch năm 2022 đã đề ra. Đồng thời, chỉ đạo rà soát, thống kê cụ thể nhu cầu hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo để có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

Ban hành Chương trình hành động số 38-CTr/HU, ngày 29/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”*.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình hành động số 38-CTr/HU, ngày 29/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”*. Qua đó, đánh giá được thực trạng của công tác giảm nghèo thời gian qua; đề ra mục tiêu chung, một số chỉ tiêu cụ thể và những nhiệm vụ, giải pháp để phấn đấu đưa công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương, phấn đấu đến năm 2025 huyện về đích nông thôn mới.

- Chỉ đạo thực hiện việc rà soát nhu cầu hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo từ nguồn Quỹ vì người nghèo tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, kết quả có 2.130 hộ đăng ký⁽¹⁷⁾. Triển khai xây dựng 73 căn nhà cho hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện với tổng giá trị 5.143 triệu đồng.

¹⁷ trong đó: 657 hộ đăng ký giống vật nuôi, nhu cầu vốn là 12.600 triệu đồng; 170 hộ đăng ký phương tiện, máy móc nông cơ, nhu cầu vốn 2.880 triệu đồng; 05 hộ đăng ký hỗ trợ vốn buôn bán nhỏ, nhu cầu vốn là 115 triệu đồng; 1.298 hộ đăng ký hỗ trợ phân bón, giống cây trồng, nhu cầu vốn hỗ trợ là 27.327 triệu đồng.

4. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương; duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tổ chức việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu trên giao; đồng thời, tổ chức Lễ giao nhận quân cho các đơn vị Quân đội, Công an được tổ chức cùng thời gian, địa điểm, đảm bảo long trọng, trang nghiêm và nhanh gọn theo đúng chỉ đạo của Quân khu 7 về việc giao nhận quân khi đang có dịch Covid-19.

- Triển khai đồng bộ các phương án, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, nhất là trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và các ngày lễ, sự kiện chính trị của địa phương; đồng thời, chỉ đạo tăng cường đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự, giảm thiểu tai nạn giao thông. 6 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện không xảy ra tai nạn giao thông; số vụ giảm 02 vụ, giảm 100%; số người chết giảm 02 người, giảm 100%; số người bị thương giảm 01 người, giảm 100% so với cùng kỳ.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện tổ chức tiếp 65 lượt/80 người đến kiến nghị, phản ánh. Trong đó: UBND huyện tiếp 22 lượt/25 người (*tiếp công dân định kỳ là 01 lượt/ 02 người, tiếp dân thường xuyên 21 lượt/23 người*); UBND cấp xã tiếp 43 lượt/55 người. Kết quả tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư và giải quyết đơn thư:

+ Cấp huyện tiếp nhận 84 đơn (*trong đó, tiếp nhận mới 47 đơn, kỳ trước chuyển sang 37 đơn*); có 62 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết. Đến nay, đã giải quyết dứt điểm 50 đơn, còn 12 đơn đang tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định.

+ Cấp xã tiếp nhận 27 đơn thư, đã giải quyết dứt điểm 24 đơn, còn 3 đơn đang xem xét giải quyết.

5. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

5.1. Công tác chính trị tư tưởng

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) *“Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị”*; Chỉ thị số 05-CT/TW; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị *“Về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* và các Quy định về trách nhiệm nêu gương.

5.2. Công tác tổ chức, cán bộ

- Chỉ đạo xây dựng và ban hành báo cáo sơ kết thực hiện Quy định số 02-QĐi/TU, ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ.

- Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2026 - 2021 và nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031.

- Ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; kế hoạch Thực hiện Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện, nhiệm kỳ 2022 - 2027.

- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và quyết định thành lập tổ công tác theo dõi, hướng dẫn Đại hội Chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở nhiệm kỳ 2022 - 2025. Đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở nhiệm kỳ 2022 - 2025; đến ngày 20/6/2022, có 12/125 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở tổ chức xong Đại hội Chi bộ.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03 -NQ/HU, ngày 14/5/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về *“tăng cường công tác phát triển Đảng ở khu dân cư và xây dựng chi bộ nông thôn bền vững, có cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025”* và Kế hoạch số 11 - KH/TU, ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng *“về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2021 - 2025”*. Trong 6 tháng đầu năm 2022, đã kết nạp cho 26 quần chúng ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng, chuyển đảng chính thức cho 29 đảng viên dự bị, quyết định xóa tên khỏi danh sách đảng viên đối với 02 đảng viên. Hiện nay, tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ huyện là 1.765 đảng viên⁽¹⁸⁾.

- Chỉ định bổ sung cấp ủy đối với 06 tổ chức cơ sở đảng, cho thôi giữ chức vụ Bí thư chi bộ 01 đồng chí, chuẩn y kết quả bầu bí thư chi bộ đối với 02 đồng chí.

- Công tác tiếp nhận và giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt Đảng thực hiện đúng quy định, từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 10 đồng chí ở Đảng bộ khác chuyển đến và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho 17 đồng chí; công tác trao

¹⁸ Trong đó: Đảng viên khối xã: 1.274 đồng chí, chiếm 72,3 %; Đảng viên khối cơ quan hành chính, sự nghiệp: 489 đồng chí, chiếm 27,7%; Đảng viên nữ: 653 đồng chí, chiếm 36,3%; Đảng viên là người dân tộc: 617 đồng chí, chiếm 35,2%; Đảng viên là người có đạo: 517 đồng chí, chiếm 29,7%.

tặng Huy hiệu Đảng được thực hiện kịp thời. Công tác cán bộ được quan tâm và chú trọng thực hiện⁽¹⁹⁾.

- Thực hiện kết luận số 27-KL/TW, ngày 21/2/2022 của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong công tác cán bộ theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 26/4/2019 và Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020. Đến nay, huyện Đam Rông đã hoàn thành xử lý theo Kết luận số 71-KL/TW; hoàn thành xử lý đối với 04 trường hợp sai phạm theo Kết luận 48-KL/TW.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đặc biệt quan tâm, chú trọng, đã lãnh đạo, chỉ đạo thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với 60 đồng chí.

5.3. Công tác kiểm tra, giám sát

Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Triển khai thực hiện tốt Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2022 theo kế hoạch. 6 tháng đầu năm, cấp ủy các cấp tiến hành kiểm tra đối với 30 đảng viên; trong đó, Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành kiểm tra đối với 04 đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (*đạt 133% chỉ tiêu giao*)²⁰; cấp ủy các cấp kiểm tra đối với 17 tổ chức đảng. Trong đó, Ban Thường vụ Huyện ủy kiểm tra 04 tổ chức đảng (*đạt 133% so với chỉ tiêu giao*)²¹. Cấp ủy các cấp giám sát đối với 03 đảng viên; trong đó, Ban Thường vụ Huyện ủy giám sát 02 đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (*đạt 66,7% so với chỉ tiêu giao*); giám sát đối với 05 tổ chức đảng; trong đó, Ban Thường vụ Huyện ủy giám sát 02 tổ chức đảng (*đạt 66,7% so với chỉ tiêu giao*). Về thi hành kỷ luật: không có tổ chức đảng nào vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật; cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã thi hành kỷ luật 09 đảng viên, với các hình thức: Khiển trách (06), cảnh cáo (03). Trong đó, cấp ủy viên các cấp bị thi hành kỷ luật: Đảng ủy viên (02).

Trong 6 tháng đầu năm, Thường trực Huyện ủy nhận được 04 đơn tố cáo, phản ánh; đã chuyển 02 đơn đến Ủy ban nhân dân huyện và 01 đơn đến Ủy ban Kiểm tra giải quyết theo thẩm quyền; hướng dẫn, trả 01 đơn tranh chất dân sự.

- Công tác vận động quần chúng.

⁽¹⁹⁾ Từ đầu năm đến nay, đã hiệp y với Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Đảng ủy Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh Lâm Đồng về việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ. Thống nhất bổ nhiệm 07 đồng chí, bổ nhiệm lại 02 đồng chí, không bổ nhiệm lại 01 đồng chí. Chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã, đồng thời giới thiệu HĐND xã bầu Chủ tịch UBND xã 01 đồng chí; miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch UBND xã 01 đồng chí; giới thiệu nhân sự Phó Chủ tịch UBND xã 01 đồng chí. Điều động, Bổ nhiệm 01 cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị trường học trực thuộc UBND huyện.

²⁰ Qua kiểm tra, kết luận: 30 đảng viên thực hiện cơ bản tốt.

²¹ Qua kiểm tra, kết luận: 14 tổ chức đảng thực hiện cơ bản tốt; 03 tổ chức đảng thực hiện chưa tốt, nhưng chưa đến mức vi phạm phải xem xét thi hành kỷ luật.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tăng cường đối thoại, lắng nghe tâm tư, kịp thời tham mưu giải quyết nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện trong công tác giám sát, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chuẩn bị tài liệu phục vụ Đoàn Kiểm tra số 634 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030*”.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm.

Sáu tháng đầu năm 2022, với sự lãnh đạo sâu sát của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, sự nỗ lực cố gắng của chính quyền, sự vào cuộc của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt; kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục có sự phát triển, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch và vượt kế hoạch: Sản xuất nông nghiệp đảm bảo thời vụ; các vụ vi phạm Lâm luật giảm mạnh so với cùng kỳ (*giảm 26 vụ so với cùng kỳ, tương đương giảm 57,78%*); các dự án, công trình trọng điểm được triển khai với quyết tâm cao; thu ngân sách tăng so với cùng kỳ. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được những kết quả tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được các ngành, các cấp chủ động triển khai thực hiện hiệu quả An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt yêu cầu.

2. Hạn chế, khó khăn.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn, như: Sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn, chịu ảnh hưởng do giá nguyên liệu đầu vào (*phân bón, thức ăn chăn nuôi, giá xăng dầu,...*) tăng cao; việc triển khai các chương trình, đề án nông nghiệp còn chậm; diện tích gieo trồng một số loại cây trồng chưa đạt kế hoạch đề ra; một số nơi việc chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, năng suất một số loại cây trồng hiệu quả chưa cao, còn mang tính tự phát, chưa theo sự định hướng quy hoạch nông nghiệp của cấp ủy, chính quyền cấp trên. Chăn nuôi gặp khó khăn, nhất là đàn heo (*do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu phi*);

số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp tuy giảm nhưng diện tích thiệt hại tăng so với cùng kỳ (*tăng 4.626 m² so với cùng kỳ, tăng 9,58%*); việc san gạt mặt bằng, sang nhượng, mua bán đất lâm nghiệp trái phép vẫn còn xảy ra. Tiến độ thi công, giải ngân nguồn vốn đầu tư công chậm; đền bù, giải phóng mặt bằng các công trình còn gặp nhiều khó khăn; công tác quản lý quy hoạch chưa tốt, việc quản lý đất đai chưa chặt chẽ.

- Việc thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững còn nhiều khó khăn, nhất là về tiêu chí thu nhập và nhà ở; đời sống một bộ phận nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp (*tín dụng đen, vay nặng lãi, tiền ảo...*).

- Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu một số tổ chức đảng chuyển biến chưa mạnh, tính chủ động, sáng tạo chưa cao. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên tiềm ẩn yếu tố phức tạp; công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên mới số lượng chưa đảm bảo; việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ ở một số địa phương, đơn vị còn bị động, chưa kịp thời; việc kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng ở cơ sở chưa thường xuyên; tình trạng xóa tên đảng viên vi phạm kỷ luật vẫn còn xảy ra. Nhận thức của một số cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát hạn chế; vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội một số nơi, nhất là cấp cơ sở hiệu quả chưa cao. Cải cách hành chính chưa theo kịp yêu cầu; kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành nề nếp công sở chưa nghiêm.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm hết sức nặng nề, đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ cả năm 2022; yêu cầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở tiếp tục lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 09/12/2021 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2022.

1. Các cấp ủy, chính quyền tiếp tục quán triệt sâu sắc, tuân thủ nghiêm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và của huyện về công tác phòng, chống dịch Covid-19. Chủ động theo dõi, bám sát tình hình, thực hiện các giải pháp ứng phó hiệu quả dịch Covid-19. Quyết tâm thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển

kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2022 mà Nghị quyết đã đề ra.

2. Về kinh tế - xã hội

- Tiến hành rà soát tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ, nhất là các chỉ tiêu chưa đạt, bổ sung biện pháp thúc đẩy đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và cả năm 2022, đặc biệt 07 nhiệm vụ trọng tâm mà Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm. Triển khai thực hiện các khâu đột phá, công trình trọng điểm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV và Nghị quyết 07-NQ/TU đã đề ra.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, tuyệt đối không chủ quan, lơ là; bám sát tình hình thực tiễn để chủ động có biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch Covid-19 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 và Nghị quyết số 38/NQ-CP, ngày 17/3/2022 của Chính phủ. Tổ chức tiêm vắc - xin phòng Covid-19 theo kế hoạch khi được phân bổ, đảm bảo an toàn.

- Tập trung chỉ đạo chăm sóc, thu hoạch lúa vụ Hè thu và vụ Mùa đảm bảo đạt kế hoạch; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất nông - lâm nghiệp. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 10/7/2019 của Huyện ủy về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện, thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Tăng cường công tác khuyến nông, gắn kết phát triển chăn nuôi với sản xuất nông nghiệp và thị trường tiêu thụ nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển thương hiệu nông sản huyện Đạm Rông. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai trong mùa mưa, bão; hạn chế thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra.

Lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn cung cấp cây, con giống, chất lượng vật tư nông nghiệp, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng; chỉ đạo thực hiện các chương trình hỗ trợ sản xuất đúng thời vụ và đảm bảo hiệu quả.

- Lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế theo kết luận của Đoàn giám sát 32 về giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản”. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, truy quét, ngăn chặn tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm số vụ vi phạm; triển khai hoàn thành kế hoạch trồng rừng, trồng

cây xanh năm 2022 trên địa bàn huyện, đảm bảo số lượng và chất lượng, nhất là trồng lại rừng trên diện tích đã giải tỏa.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung các nguồn lực đầu tư cho các xã hoàn thành các tiêu chí đã đăng ký, quan tâm chỉ đạo Đa Tông hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới vào cuối năm 2022. Đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế theo kết luận của Đoàn kiểm tra số 634 về kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.

- Chỉ đạo tăng cường các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn, trong đó, nắm chắc các nguồn thu và đối tượng thu ngân sách, có chính sách nuôi dưỡng, phấn đấu thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra. Đồng thời, tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo kế hoạch đề ra; phấn đấu đến ngày 30/6/2022 giải ngân đạt trên 50%, đến ngày 31/12/2022 giải ngân đạt trên 92% và đến ngày 30/01/2023 giải ngân đạt 100% kế hoạch.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các công trình trọng điểm huyện chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng của huyện, tập trung, ưu tiên nguồn lực, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện các công trình trọng điểm, thực hiện nghiêm Kết luận số 02-KL/BCĐ ngày 26/5/2022 của Ban chỉ đạo thực hiện các công trình trọng điểm huyện.

Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Bằng Lũng; thị trấn Đa Rsal; Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư, khu du lịch, trung tâm thương mại - dịch vụ, trạm dừng chân...

- Quản lý chặt chẽ đối với lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, quản lý quy hoạch, nhất là các điểm nóng về khai thác cát, san lấp mặt bằng trái phép, cương quyết xử lý các trường hợp khai thác trái phép, xử lý trách nhiệm người đứng đầu địa phương khi để xảy ra việc khai thác khoáng sản trái phép mà không kịp thời xử lý; tiếp tục triển khai công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương trong 06 tháng cuối năm 2022. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân; tiếp tục theo dõi, nắm chắc diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19, bệnh sốt xuất huyết, bạch hầu... để chủ động thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh. Chuẩn bị chu đáo các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ năm học mới 2022 - 2023; tiếp tục đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn theo kế hoạch;

quan tâm các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công và chăm lo đến các đối tượng xã hội khác.

Xây dựng Đề án phát triển du lịch huyện Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên, tuyến du lịch sinh thái, du lịch văn hóa các dân tộc tại chỗ dọc Tỉnh lộ 722, 724: Đà Lạt - Lạc Dương - Đam Rông.

2. Về quốc phòng - an ninh

- Tăng cường và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh toàn diện. Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Liêng Srônh và Phi Liêng đảm bảo đạt kết quả cao.

- Chủ động nắm tình hình, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là các mục tiêu trọng điểm. Tập trung mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; tiếp tục ngăn ngừa, đấu tranh và phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí (*số vụ, số người chết, số người bị thương*). Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

4. Về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền về các chủ trương, nghị quyết của Đảng; công tác phòng, chống dịch Covid-19. Xác định công tác tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng, từ đó tăng cường đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, kịp thời thông tin, định hướng dư luận xã hội cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và các quy định về nêu gương, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, sát hợp với điều kiện cụ thể địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tham mưu kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai công tác văn hóa xã hội gắn với công tác bảo tồn, phát huy, khôi phục và phát triển giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI).

- Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”; Nghị quyết 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về*

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức chào cờ hàng tháng (*bắt đầu từ tháng 7 năm 2022*); trong đó, nghiên cứu đổi mới nội dung chào cờ đảm bảo phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Hội Cựu chiến huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2022 - 2027. Hoàn thành việc tổ chức Đại hội Chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, nhiệm kỳ 2022 - 2025.

- Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031.

- Tổ chức Hội nghị đánh giá, bàn nhiệm vụ phát triển đảng viên theo kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng kế hoạch đi thăm, cùng dự sinh hoạt chi bộ cơ sở mỗi tháng 01 lần (*bắt đầu từ quý III/2022*).

- Chỉ đạo chuẩn bị tốt nội dung phục vụ Đoàn kiểm tra của Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo Kế hoạch số 09-KH/BTCTU, ngày 08/6/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về kiểm tra, hướng dẫn và nắm tình hình công tác xây dựng Đảng năm 2022.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18 - NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” gắn với Kế hoạch số 48-KH/TU, ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 59 -KH/HU, ngày 31/5/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy, chức danh Bí thư Huyện ủy, các Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và các chức danh cán bộ chủ chốt nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển cán bộ sau quy hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới đảm bảo về số lượng và chất lượng. Đồng thời, tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy; tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên. Thực hiện tốt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Lãnh đạo hoàn thành Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2022 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tăng cường công tác nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý các vụ việc phức tạp; các đơn thư tố cáo, khiếu nại ngay từ cơ sở. Đồng thời, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vận động quần chúng; tăng cường bám sát cơ sở, kịp thời nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân; tham mưu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, xử lý tốt những vấn đề phát sinh ở cơ sở, nhất là theo dõi diễn biến Đại hội Hội Cựu chiến binh huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2022 - 2027. Chỉ đạo Hội Nông dân, Liên đoàn lao động huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội Hội Nông dân, Công đoàn cấp cơ sở, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, làm việc với Đảng ủy các xã về triển khai chương trình hành động số 38-CTr/HU, ngày 29/4/2022 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030” và Kết luận số 840-KL/HU, ngày 02/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Về kết luận Hội nghị triển khai Chương trình công tác giảm nghèo giai đoạn 2022 - 2025”.

- Chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ đoàn kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU “Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động của các Ban chỉ đạo năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023; tổ chức thăm hỏi các cơ sở tôn giáo và chúc sắc tiêu biểu của đạo Công giáo, đạo Tin lành nhân dịp Noel 2022. Đồng thời, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 92 năm Ngày truyền thống các Ban xây dựng Đảng và Văn phòng Cấp ủy đảm bảo ý nghĩa, thiết thực.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 09/12/2021 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2022 và ban hành Nghị quyết của Huyện ủy “về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2023”.

- Hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2022. Đồng thời, tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2022, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm chế độ công vụ.

Nơi nhận

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Đ/c Nguyễn Bình Sơn - UVBTVTU,
- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh,
- HĐND và UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đa Cất K'Hương

<p style="text-align: center;">PHỤ LỤC Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 <i>(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/HU, ngày tháng 6 năm 2022</i> <i>của Ban Thường vụ Huyện ủy)</i></p>						
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết 2022	6 tháng		
				Thực hiện	So với cùng kỳ năm 2021	So với nghị quyết
1	Tổng giá trị sản xuất (GO) theo giá so sánh	triệu đồng	3,562,924.20	1,474,385.58	110.93	41.4
	Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản	triệu đồng	1,813,985.30	634,894.9	110.00	35.0
	Ngành công nghiệp - xây dựng	triệu đồng	573,105	275,090.40	111.98	48.0
	Thương mại, dịch vụ	triệu đồng	1,175,834	564,400.32	111.47	48.0
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	triệu đồng	1,800,000	864,000.00	118.91	48.0
3	Tổng thu NSNN (đến ngày 21/6)	triệu đồng	66,750	59,700		89.4
	Trong đó: thuế phí	triệu đồng	34,000	36,528.0		107.4
4	Tổng sản lượng lương thực	tấn	17000	4,194.0	107.00	24.7
5	Tỷ lệ hộ được nghe đài truyền thanh và xem truyền hình	%	98.5	98.5	100.00	100.0
6	Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.38	1.39	100.00	100.7
7	Tạo việc làm mới	lao động	1,350	878	+128	65.0
8	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	2			0.0
9	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	23.97	23.96	-0,03%	99.96
10	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	1	0		0.0
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 2% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025)	%	2%	0	0.0%	cuối năm đánh giá
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	85	85.09		100.1
13	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện	%	97.8	97.6		99.8
14	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	27	26		96.3
15	Thôn đạt chuẩn thôn văn hóa	%	96.2	96.2	100.0%	100.0
	Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	92.6	92.6	100.0%	100.0
	Hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	85.5	85.5	100.7%	100.0
16	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	65	65	100.0%	100.0
17	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	93.5	93.5	100.0%	100.0
18	Đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 80% tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.	%				cuối năm đánh giá
19	kết nạp 70 đảng viên trở lên.	đảng viên	70	26	37.10%	
20	Các đoàn thể chính trị - xã hội tập hợp đoàn viên, hội viên đạt 70% trở lên.	%				cuối năm đánh giá

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số -BC/HU, ngày tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Sst	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		867,460		
1	Nâng cấp hồ Đạ Ri Ông, xã Rô Men	DT tưới 178ha	45,000	2022-2025	Dự án nằm trong danh mục Công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020 - 2025 (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025)
2	Xây dựng hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng	DT tưới 200ha	31,400	2022-2025	
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	DTXD 2.264m ² ; DTS 2.694m ²	40,000	2022-2025	
4	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ (750 hộ xã Liêng Srônh + 700 hộ xã Rô Men)	20,000	2022-2025	
5	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Nâm, Păng Pé Dong, xã Đạ Rsal	600 hộ	19,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đạ Mui, Đạ K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đạ K'Nàng	900 hộ	22,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ	18,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
8	Xây dựng Trường TH Đạ K'Nàng	03 khối 24 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.728m ² ; DT sân: 3.350m ²	54,500	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
9	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	105 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	90,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
10	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do 179 xã Liêng Srônh	17,8km - BTXM dày 20cm	99,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
11	Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đạ Nhimh 1 + 2, xã Đạ Tông	435m + 2 cầu BTCT	34,410	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
12	Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	13km - BTXM dày 22cm	95,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
13	Xây dựng Trường MN Bằng Lăng	4 khối 16 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.579m ² ; DT sân: 2.551m ² .	35,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
14	Gia cố bờ sông Đạ Tể, xã Đạ M'Rông (Giai đoạn 2)	1km	24,200	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
15	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do Tây Sơn xã Phi Liêng	10km	75,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
16	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	5km	30,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
17	Xây dựng kè sắt lớn và nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông	13,1km nâng cấp, mở rộng đường và 2,5 km kè sắt lớn	85,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
18	Kè sắt lớn đường vào khu quy hoạch Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	1km	35,000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
19	Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tỏ, xã Đạ K'Năng	4,5km	14,950	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư



BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA HUYỆN ĐÀM RÔNG

(Kèm theo Báo cáo số: -BC/HU, ngày tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (trệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
I	Công trình trọng điểm giai đoạn 2015-2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025						
1	Công trình nước sạch Đạ Rsal	1.200m ³ /ngày đêm	2016-2020	28,446	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng	
2	Đường giao thông từ Brông Rết xã Rô Men đi xã Đạ M'Rông				Ngân sách tỉnh		Sở Giao thông vận tải Lâm Đồng làm chủ đầu tư
2.1	Giai đoạn 1 (Nâng cấp đường ĐT.724 và xây dựng 03 cầu, thông tuyến đường ĐT.721, tỉnh Lâm Đồng)	16,33km	2017-2020	794,053		Đã hoàn thành giai đoạn 1	
2.2	Giai đoạn 2 (từ km64+509-km71+17)	6,67km	2022-2024	70,000		Dự án đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch đầu tư năm 2022	
3	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	Diện tích san gạt mặt bằng 3.952m ² ; xây dựng 08 phòng học.	2019-2020	6,000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT30a)	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
4	Đường cứu hộ cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men	Đường khu nhà ở đô thị; chiều dài: 14.143m, gồm 36 đường trục và 01 vòng xoay; kết cấu mặt đường bê tông nhựa dày 7cm, Byc=127 M-pa, cấp phối đá dăm dày 30cm; hệ thống vỉa hè, bó vỉ, thoát nước dọc	2017-2020	324,000	Ngân sách Trung ương bố trí 200.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh bố trí 124.000 triệu đồng.	Dự án đã hoàn thành xong gói thầu số 1 với tổng chiều dài 2.710m. Gói thầu số 2b đang tiếp tục làm phần nền đường trong khu dân cư Đông Nam; đang thực hiện công tác đền bù GPMB các khu còn lại để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công gấp rút thi công hoàn thiện	
5	Đập thủy lợi Bằng Lăng	Diện tích tưới 300ha (2 xã Rô Men - Liêng Srônh)	2021-2022	56,000	Ngân sách tỉnh: 52.300 triệu đồng; ngân sách huyện: 3,700 triệu đồng	Dự án đang triển khai thực hiện; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2022	
6	Các hạng mục công trình thuộc Dự án tái định canh, định cư khu Dự án MTPô (TK176 - xã Liêng Srônh)	127 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	2021-2022	84,340	Ngân sách Trung ương: 40.454 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 43.886 triệu đồng	Đến nay, cơ bản các hạng mục của dự án đã triển khai thực hiện, còn lại hạng mục Hồ thủy lợi chưa triển khai; kế hoạch trong năm 2022 sẽ tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thành dự án và đưa dân về sinh sống	
7	Trung tâm Thương mại và Chợ Bằng Lăng (Dự án Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông)	Chợ hạng 2, tổng diện tích 15,561m ² gồm chợ truyền thống 144 điểm kinh doanh, mua bán ngoài trời 46 điểm, khu mua sắm các mặt hàng cao cấp 99 điểm, khu mua sắm kinh doanh 38 điểm. Mật độ xây dựng 49,1%, xây dựng 03 tầng	2022-2024	224,400	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 16/12/2021. Hiện nay, Sở KH&ĐT đang thẩm định hồ sơ năng lực của nhà đầu tư. Dự kiến trong quý III/2022 dự án sẽ bắt đầu khởi công xây dựng và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2024	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Trên độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
8	Bến xe trung tâm huyện	2,1ha	2021-2023	100,000	Dự án thu hút đầu tư	DA đã được thông qua danh mục các DA đầu tư cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 18/02/2021. DA đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, UBND huyện đang giao Phòng KT&HT lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	
II	Công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025						
1	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	2.000 chỗ ngồi; diện tích XD 2.204m ² ; diện tích sàn 2.094	2022-2024	37,600	Ngân sách tỉnh	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đang khảo sát lập chủ trương đầu tư	
2	Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Năng & Năng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men						
2.1	Dự án Nâng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men	DT tưới 178ha	2022-2024	45,000	Ngân sách tỉnh	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đang hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	
2.2	Dự án Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Năng	DT tưới 200ha	2022-2024	31,400	Ngân sách tỉnh		

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
3	Đường xã Đa Tông, huyện Đam Rông đi xã Đưng KNóh, huyện Lạc Dương (đường Trường Sơn Đông)	Dự án nằm trong dự án xây dựng tuyến đường ĐT.729 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Bình Thuận và tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk	2021-2024	600,000	Ngân sách Trung ương 500.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh 100.000 triệu đồng.	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 và Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	Ban QLDA tỉnh Lâm Đồng làm chủ đầu tư
4	Đường từ trung tâm huyện Đam Rông đi Quốc lộ 27	860m và 1 cầu BTCT + 02 cống hộp	2021-2024	105,985	Ngân sách Trung ương	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020. Hiện đang triển khai thực hiện dự án.	
5	Trạm dừng chân Bằng Lãng (Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng chân và khu dân cư Trung tâm Bằng Lãng, huyện Đam Rông)	10,63ha	2022-2025	200,000	Dự án thu hút đầu tư	DA đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giải đoạn 2021-2025. Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn để hoàn thiện trình UBND huyện phê duyệt.	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
6	Hoàn thiện hệ thống nước sạch 8/8 xã					UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT đưa 08 dự án nước sạch trên địa bàn huyện vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Đam Rông để triển khai thực hiện. Sau khi có chủ trương đầu tư, UBND huyện sẽ chỉ đạo lập hồ sơ và các thủ tục đầu tư theo quy định	
6.1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đa Kao 1, 2; Liêng Trang 1, 2; Mê Ka; NTôl xã Đa Tòng	750 hộ dân	2022-2024	23,000	Ngân sách tỉnh		
6.2	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ dân	2022-2024	20,000	Ngân sách tỉnh		
6.3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Dong Glê và thôn Boóp La, xã Phi Liêng	1.200 hộ dân	2022-2024	35,000	Ngân sách tỉnh		
6.4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đa Mui, Đa K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đa K'Nàng	900 hộ dân	2022-2024	22,000	Ngân sách tỉnh		
6.5	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Năm, Păng Pé Dong, xã Đa Rsal	600 hộ dân	2022-2024	19,000	Ngân sách tỉnh		
6.6	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ dân	2022-2024	18,000	Ngân sách tỉnh		
6.7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3, xã Đa Rsal	400 hộ dân	2022-2024	8,000	Ngân sách tỉnh		
6.8	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt Đăm Rôn, xã Đa MRông	820 hộ dân	2022-2024	5,000	Ngân sách tỉnh		

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
7	Dự án xử lý rác thải		2022-2025		Dự án thu hút đầu tư		
7.1	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	5,3ha, công suất 20m ³ /giờ		60,000		Dã đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, Phòng KT&HT đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	
7.2	Dự án xử lý rác thải khu vực Đạ Tông - Đạ Long	6,1ha, công suất 20m ³ /giờ		60,000		UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT xem xét, đưa dự án vào danh mục kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, chưa được phê duyệt.	
7.3	Dự án xử lý rác thải khu vực Phi Liêng - Đạ KNàng	5,3ha, công suất 15m ³ /giờ		40,000			
8	Ôn định dân di cư tự do Tây Sơn và 179 - xã Liêng Srônh	192 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	2021-2024	159,784	Ngân sách Trung ương 142.003 triệu đồng; ngân sách tỉnh 17.781 triệu đồng.	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyet chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020) ; UBND tỉnh phê duyet dự án đầu tư (Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 02/12/2021) . Chủ đầu tư đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và cung cấp thiết bị các hạng mục công trình dân dụng. Hiện nay, UBND huyện đã lập tờ trình gửi UBND tỉnh cấp kinh phí để tiếp tục triển khai dự án	

Số: /QĐ-UBND

Đam Rông, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn huyện Đam Rông

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Công ước bảo vệ Di sản văn hoá phi vật thể đã được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) thông qua trong phiên họp thứ 32 tại Paris (Cộng hoà Pháp) ngày 17/10/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa năm 2009 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 5, thông qua ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định của Tổ chức UNESCO ngày 25/11/2005 “Công nhận không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên của Việt Nam là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 9564/KH-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện Kế hoạch số 136/KH-TU ngày 12/8/2020 của Tỉnh ủy Kế hoạch thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XI) Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước."

Căn cứ Chương trình hành động số 10-CTr/HU, ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Huyện ủy V/v thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 32-CTr/HU ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông V/v thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa và Thông tin tại Tờ trình số/TTr-VHTT ngày/...../2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cộng đồng giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn huyện Đam Rông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở VH, TT&DL tỉnh (b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Website huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, VX1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hữu Đồng

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng giai đoạn 2021 - 2026
và tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn huyện Đam Rông**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND huyện Đam Rông)

Đam Rông là huyện cửa ngõ của tỉnh Lâm Đồng nối với các tỉnh Tây Nguyên, diện tích đất tự nhiên 89.220ha, có 08 đơn vị hành chính cấp xã với 53 đơn vị cấp thôn. Dân số toàn huyện trên 55 nghìn người; có trên 20 thành phần dân tộc anh em cùng sinh sống đan xen, với nhiều tôn giáo khác nhau, có tinh thần đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển đã tạo nên một cộng đồng đa dạng trong văn hóa cũng như phong tục tập quán; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) chiếm trên 65% tổng số dân trên toàn huyện.

Với vị trí địa lý, địa hình, hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên đa dạng, độc đáo đã làm cho huyện Đam Rông có nguồn tài nguyên phát triển du lịch phong phú với nhiều loại hình đa dạng, như du lịch sinh thái, cảnh quan; du lịch văn hóa cộng đồng; du lịch canh nông... Không những vậy, huyện Đam Rông được biết đến là vùng đất có nhiều rừng núi, sông hồ và những thác nước hùng vĩ, cùng không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên - một “Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể” của nhân loại (năm 2008 được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại) hòa cùng với nét độc đáo trong văn hóa của đồng bào các dân tộc sinh sống trên mảnh đất này. Chính vì vậy, đã tạo nên bức tranh về đời sống văn hoá phong phú, đa dạng và độc đáo của các dân tộc thiểu số tại huyện Đam Rông.

Trong quá trình phát triển kinh tế, do có ưu thế về tài nguyên đất đai và vị trí địa lý thuận lợi nên Đam Rông trở thành điểm nóng thu hút mạnh các nguồn dân cư khắp cả nước đến sinh sống. Cùng với các dân tộc thiểu số tại chỗ, các dân tộc từ các tỉnh, thành trong cả nước đến đây sinh cơ lập nghiệp, họ không chỉ góp phần làm cho Đam Rông ngày càng giàu đẹp mà còn mang đến cho vùng đất này nhiều loại hình văn hóa khác nhau, vô cùng phong phú giàu bản sắc và độc đáo. Tất cả những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc anh em, những nét văn hóa dân gian đó thống nhất trong sự đa dạng và đa dạng trong sự thống nhất, tạo thành một bức tranh văn hóa với những sắc độ khác nhau, nhưng lại kết hợp khá hài hòa tạo nên một hòa sắc độc đáo, tinh tế trên mảnh đất Tây Nguyên.

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa - xã hội vùng dân tộc, miền núi; đồng thời triển khai thực hiện Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v phê duyệt đề án “Bảo tồn và phát triển Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, huyện Đam Rông đã tích cực, chủ động nhằm phát triển văn hóa trên địa bàn huyện, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và đạt được những kết quả quan trọng trong tư tưởng, lối sống, phong tục, tập quán tiến bộ của nhân dân các dân tộc trong huyện được giữ gìn, bảo vệ và phát triển. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng từng bước được nâng lên. Việc mở rộng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong huyện với nhân dân các địa phương khác trong tỉnh ngày càng được tăng cường. Đặc biệt các hoạt động liên quan đến không gian văn hóa công chiêng đã góp phần tích cực trong việc gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đam Rông, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Hiện nay, cùng với quá trình chuyển biến về kinh tế, xã hội, tín ngưỡng đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ cuộc sống của cộng đồng các dân tộc trong huyện. Do đó, không gian văn hóa công chiêng huyện Đam Rông nói riêng, tỉnh Lâm Đồng nói chung đang đứng trước những thách thức lớn, đối mặt với nguy cơ mai một. Đó là ảnh hưởng của văn hóa hiện đại; tác động mặt trái của cơ chế thị trường; sự ảnh hưởng của tôn giáo; người già biết văn hóa công chiêng lần lượt qua đời, lớp trẻ không mặn mà với văn hóa công chiêng của ông bà để lại; rừng bị tàn phá, không gian canh tác nương rẫy bị thu hẹp, bến nước bị hoang hóa, nhà truyền thống đang bị thay dần bằng nhà bê tông... nghĩa là không gian văn hóa công chiêng đang bị mất dần. Nhiều nơi công chiêng không còn mang ý nghĩa linh thiêng nữa mà đã trở thành vật buôn bán, trao đổi, phục vụ cho các mục đích khác.

“Không gian văn hóa công chiêng” là một không gian cụ thể, bao gồm: Khu đất cư trú của buôn làng; bến nước; khu đất canh tác; khu rừng nuôi sống buôn làng; khu chăn thả gia súc... phát huy Không gian văn hóa công chiêng trước hết phải giữ gìn, bảo tồn Không gian văn hóa cộng đồng; trong việc giữ gìn, bảo tồn, trước hết cần giữ gìn từng bộ chiêng, nơi tổ chức sinh hoạt công chiêng, truyền dạy đánh chiêng, chỉnh chiêng và tổ chức các nghi lễ liên quan đến văn hóa công chiêng. Mặt khác, bảo tồn Không gian văn hóa công chiêng là rất rộng

lớn, vấn đề này cần rất nhiều kinh phí mới có thể thực hiện được. Tuy nhiên, hiện nay, Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2018 của UBND huyện Đam Rông V/v thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên các dân tộc huyện Đam Rông đến năm 2020 đã hết hiệu lực thi hành.

Trước thực trạng này, việc bảo tồn và phát triển không gian văn hóa công chiêng Tây nguyên các dân tộc trên địa bàn huyện Đam Rông cần được tiếp tục thực hiện. Đây là một chương trình lớn, cần được triển khai một cách đồng bộ và có tính lâu dài. Do đó, việc xây dựng Đề án **“Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2035”** trên địa bàn huyện Đam Rông là rất cần thiết và có tính cấp bách, nhằm phát huy những kết quả đạt được đồng thời khắc phục những tồn tại từ Kế hoạch số 34/KH-UBND của UBND huyện Đam Rông, phát huy có hiệu quả văn hóa công chiêng các dân tộc tại chỗ trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Công ước bảo vệ Di sản văn hoá phi vật thể đã được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) thông qua trong phiên họp thứ 32 tại Paris (Cộng hoà Pháp) ngày 17/10/2003;

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa năm 2009 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 5, thông qua ngày 18/6/2009;

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;

Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Quyết định của Tổ chức UNESCO ngày 25/11/2005 “Công nhận không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên của Việt Nam là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”;

Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030;

Kế hoạch số 9564/KH-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện Kế hoạch số 136/KH-TU ngày 12/8/2020 của Tỉnh ủy Kế hoạch thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XI) "về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước".

Chương trình hành động số 10-CTr/HU, ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Huyện ủy V/v thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Chương trình hành động số 32-CTr/HU ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông V/v thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Căn cứ thực tiễn

Cồng chiêng từ bao đời đã gắn bó mật thiết và không thể tách rời trong đời sống cộng đồng, trong các nghi lễ - lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đam Rông; là thể giới tinh thần, là bản sắc văn hóa của đồng bào nơi đây. Hiện nay, ở Đam Rông các dân tộc thiểu số như: K'ho, Cil, M'Nông,... còn lưu giữ hàng chục bộ cồng chiêng quý. Cồng chiêng thực sự đã gắn bó với mỗi đời người, mỗi gia đình, dòng họ và các nghi lễ cổ truyền của cộng đồng, thể hiện trong hai hệ thống nghi lễ vòng đời người và nghi lễ nông nghiệp;

Với quan niệm rằng: *“Cồng chiêng có thể giúp cho con người thông tin trực tiếp với thần linh, với các giàng. Cồng chiêng không sử dụng một cách bừa bãi mà chỉ được sử dụng trong các lễ hội của buôn làng”*. Nhưng với tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh làm cho không gian văn hóa cồng chiêng truyền thống có sự biến

đổi, một số nhu cầu mới, hiện đại, lối sống mới đang làm thay đổi nhận thức về “tính thiêng” và tính cộng đồng của Văn hóa công chiêng;

Những tác động của toàn cầu hóa đến di sản không gian Văn hóa công chiêng đứng trước xu hướng xâm nhập của văn hóa nước ngoài qua mạng lưới công nghệ thông tin, đã ảnh hưởng lớn đến tính đa dạng phong phú mang đậm bản sắc truyền thống của không gian Văn hóa công chiêng;

Sự phát triển các ứng dụng khoa học trong nông nghiệp, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch từ trồng lúa sang chuyên canh công nghiệp (cà phê, sầu riêng, bơ,...) đã tác động đến môi trường diễn tấu công chiêng, lễ hội, những ngôi nhà truyền thống mất dần; không gian, thời gian của công chiêng dần bị thu hẹp. Điều này đã thể hiện rõ không gian văn hóa công chiêng trên địa bàn đang đứng trước nguy cơ mai một, cần được bảo tồn khẩn cấp;

Lớp trẻ lớn lên dù thấy nhưng chưa hiểu đầy đủ giá trị văn hóa, không gian công chiêng nên ít yêu thích, ít quan tâm, khả năng kế nghiệp, trao truyền rất ít và mang tính bắt buộc; nhiều nghệ nhân chuyên về công chiêng (chính chiêng, trình diễn, nghi thức...) ngày càng ít do tuổi cao lần lượt qua đời;

Một bộ phận dân cư, nghe theo sự vận động từ bên ngoài từ bỏ tín ngưỡng truyền thống, tiếp nhận lối sống sinh hoạt mới nên không gìn giữ không gian sinh hoạt truyền thống và không thực hiện sinh hoạt công chiêng (nhiều gia đình đã bán những bộ công chiêng quý được truyền từ đời này sang đời khác).

Phần II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

ĐỀ ÁN “BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐAM RÔNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020”

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thường trực Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo về công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, trong đó có công tác bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng.

Nhằm thực hiện có hiệu quả Luật di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật di sản văn hóa năm 2009; thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/06/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây

dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

Thực hiện Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 về việc Phê duyệt đề án “Bảo tồn và phát triển Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Phòng Văn hóa và Thông tin đã tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2018 V/v thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa công chiêng tây Nguyên các dân tộc huyện Đam Rông đến năm 2020.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy không gian văn hóa công chiêng

Các cấp, ngành, chính quyền địa phương luôn quan tâm triển khai công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số nói chung, di sản văn hóa công chiêng nói riêng đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của văn hóa truyền thống nhằm góp phần nâng cao ý thức tự gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia được thực hiện lồng ghép với nhiều hình thức như: tuyên truyền qua hệ thống pano, áp phích, băng rôn; qua các hệ thống thông tin cơ sở; tuyên truyền qua các buổi họp thôn; thông qua các hoạt động tuyên truyền lưu động về cơ sở, việc tổ chức các hoạt động văn hóa, giao lưu văn hóa... nhằm tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

2.2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền văn hoá công chiêng giữa các thế hệ chủ nhân của di sản

Trong 05 thành tố của không gian văn hoá công chiêng (công chiêng và nhạc cụ đi kèm, hệ thống bài bản, người diễn tấu, môi trường truyền thống, thời điểm), con người luôn là nhân tố trung tâm quyết định. Âm nhạc công chiêng, văn hoá công chiêng chỉ có thể được bảo tồn, phát huy và phát triển nếu những giá trị văn hoá đó được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chính vì vậy, thúc đẩy hoạt động chuyển giao giá trị văn hoá công chiêng giữa các thế hệ cư dân bản địa là một trong những mục tiêu, nội dung quan trọng của đề án.

Từ năm 2019, thông qua kế hoạch thực hiện Đề án, được sự quan tâm ưu ái của lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng và Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể các cấp mở được 08 lớp truyền dạy

cồng chiêng cho thanh thiếu niên người đồng bào dân tộc Cil, K'Ho, M'Nông trên địa bàn huyện. Số lượng trung bình mỗi lớp là 24 học viên/lớp. Người truyền dạy là những nghệ nhân cồng chiêng lớn tuổi, giàu kinh nghiệm tại chỗ. Chính phương thức khá gần gũi với hoạt động trao truyền văn hoá cồng chiêng truyền thống này đã góp phần tạo nên những thành công của các lớp cồng chiêng được tổ chức từ 2019 đến nay. Cụ thể như sau: Năm 2019, mở 02 lớp tại xã Đạ Long - Rô Men. Năm 2020, mở 03 lớp tại xã Đạ Tông - Liêng Srônh và Phi Liêng. Năm 2021, mở 02 lớp tại xã Đạ Rsal - Đạ Long. Năm 2022 mở 01 lớp tại xã Đạ M'rong.

Môi trường văn hoá truyền thống với những sinh hoạt văn hoá cồng chiêng đều đặn trong thực hành các nghi lễ phong tục tập quán đã không còn tồn tại nguyên vẹn; những dịp để diễn tấu cồng chiêng hiện không nhiều. Những lớp học cồng chiêng đã giúp các học viên cơ bản nắm bắt được những kỹ thuật diễn tấu cồng chiêng đồng thời tiếp thu được những giá trị văn hoá truyền thống liên quan đến âm nhạc cồng chiêng.

2.3. Trang bị cồng chiêng, các nhạc cụ đi kèm và các điều kiện vật chất khác để duy trì nét văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên

Không ngoại lệ, nhạc cụ cồng chiêng của các dân tộc Cil, K'Ho, M'Nông,... ngoài bị thất thoát về số lượng do chủ nhân mua bán hoặc trao đổi ra khỏi cộng đồng còn có một nguyên nhân tất yếu khác: hư hỏng, vỡ, không đủ bộ... Nhằm tạo ra điều kiện cơ bản để các thôn duy trì và phát triển tốt không gian văn hoá cồng chiêng trong giai đoạn 2018-2020, được sự quan tâm của lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng đã trang bị cho huyện Đam Rông 02 bộ chiêng truyền thống (chiêng 6) cho thôn Liêng KRắc 1, xã Đạ M'rong và Nhà văn hóa xã Đạ Long; 24 bộ trang phục truyền thống cho địa phương.

Đây là điều kiện cơ bản để các buôn làng duy trì các sinh hoạt văn hóa cồng chiêng. Tái trang bị hệ thống nhạc cụ (Cồng chiêng) cho các cộng đồng bản địa: Đây là mục tiêu và cũng là nội dung quan trọng của Đề án là tái trang bị cồng chiêng và hệ thống nhạc cụ đi kèm cho cộng đồng dân cư bản địa.

2.4. Bước đầu hình thành mô hình bảo tồn văn hóa cồng chiêng tại cơ sở theo hướng dịch vụ

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, huyện đã thành lập Đoàn công tác làm việc với Đảng ủy, UBND các xã: Đạ M'rong, Đạ Tông và Đạ Long về triển khai xây dựng 03 mô hình bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên tại các xã nêu trên.

Xây dựng mô hình này trở thành các địa điểm, sản phẩm khai thác phục vụ

du lịch kết nối trung chuyển du lịch Đà Lạt - Đam Rông; Đam Rông - các tỉnh Tây Nguyên....Đây là một chặng đường dài đang được triển khai với nỗ lực lớn của huyện và sự phối kết hợp hiệu quả của chính quyền các địa phương, sự hưởng ứng tích cực của các cộng đồng dân cư.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thuận lợi

- Nhận thức của Nhân dân trên địa bàn về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Kế hoạch có sự chuyển biến tích cực, nhất là đối với một bộ phận thanh thiếu niên đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác tổ chức triển khai Kế hoạch đã nhận được sự chung tay của các cơ quan, ban, ngành, địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp chính quyền cũng như sự hưởng ứng, đồng lòng của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

- Công tác truyền dạy về các kỹ năng, kỹ thuật diễn tấu, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc qua tham gia dịp tham gia Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc...ngày càng được quan tâm và chú trọng, góp phần nâng cao lòng tự hào về giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao nhận thức, sự tự giác về gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Các nghệ nhân, một số lớp trẻ vẫn nắm giữ kỹ thuật diễn tấu cồng chiêng, múa xoang của dân tộc; các thôn đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện còn lưu giữ cồng chiêng tương đối nhiều,... đây là những điều kiện thuận lợi trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cồng chiêng trên địa bàn huyện trong thời gian qua.

- Các địa phương đã chủ động trong việc giữ gìn và phát huy các loại hình văn hóa truyền thống; Các già làng, trưởng thôn, người có uy tín tại cộng đồng có tinh thần trách nhiệm trong việc giữ gìn và truyền đạt cho thế hệ sau về bản sắc văn hóa của dân tộc mình, trong đó có loại hình di sản văn hóa cồng chiêng.

2. Khó khăn, hạn chế

Trong thời gian qua, nhờ chú trọng công tác sưu tầm, nghiên cứu; tổ chức truyền dạy và phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể mà Không gian văn hoá Cồng Chiêng các dân tộc bản địa Đam Rông được bảo tồn tương đối tốt, khả năng phát huy và phát triển phù hợp, hài hoà với môi trường văn hoá hiện đại. Tuy vậy, công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá cồng chiêng vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập:

- Vẫn còn tình trạng một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm trong triển khai thực hiện Kế hoạch; chưa huy động

được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị vào công tác giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy di sản Không gian văn hóa công chiêng các dân tộc huyện Đam Rông đến năm 2020” nói riêng.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống chưa được triển khai đồng bộ, sâu rộng; đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa còn thiếu, nhất là cán bộ văn hóa huyện, xã, chưa có cán bộ chuyên môn về lĩnh vực di sản văn hóa.

- Nguồn nhân lực trực tiếp tham gia vào hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung, Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên nói riêng còn thiếu và yếu cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Việc bảo tồn và phát huy giá trị Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên còn hạn chế ở các địa phương, bên cạnh những địa phương chủ động, tích cực quan tâm đến đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy Không gian văn hóa Công chiêng vẫn còn địa phương do điều kiện hạn chế chưa bố trí nguồn kinh phí hàng năm để duy trì các hoạt động này.

- Việc sử dụng âm nhạc công chiêng theo hướng dịch vụ nhằm quảng bá, giới thiệu, phát triển kinh tế - xã hội và du lịch còn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa mang tính bền vững.

3. Nguyên nhân

- Đô thị hóa và toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ và làm thay đổi tâm lý và lối sống của người dân, thay đổi môi trường văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu trong đó có cả không gian văn hóa công chiêng, nhiều giá trị văn hoá mới tác động làm thay đổi nhu cầu thưởng thức của người dân.

- Nhận thức của một bộ phận người dân, chủ thể của các giá trị của không gian văn hóa công chiêng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa chưa được tự giác.

- Công chiêng tập thể nhanh hư hỏng hoặc tắt tiếng, chưa có nghệ nhân chỉnh chiêng (chỉnh âm) theo từng làn điệu của từng tộc người.

Phần III

NỘI DUNG “BẢO TỒN, PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2026 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035” TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAM RÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện công tác gìn giữ, bảo tồn, khai thác và phát huy có hiệu quả di sản văn hóa công chiêng. Từng bước khôi phục không gian văn hóa công chiêng trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đam Rông; giới thiệu, quảng bá giá trị di sản Không gian văn hóa công chiêng huyện Đam Rông đến bạn bè trong và ngoài tỉnh; gắn phát triển kinh tế với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn huyện, góp phần phát triển văn hóa - du lịch trong thời kỳ hội nhập nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể đến giai đoạn 2026

- Tuyên truyền, vận động sâu rộng đến mọi tầng lớp trong xã hội nhận thức một cách sâu sắc về giá trị di sản văn hóa công chiêng và trách nhiệm gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa công chiêng trước xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

- Đến năm 2026, 100% cán bộ, công chức văn hoá các xã được cử đi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác sưu tầm bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm văn hóa tại cơ sở.

- Triển khai xây dựng 03 mô hình bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên tại các xã: Đạ M'rông, Đạ Tông và Đạ Long.

- 100% các xã trên địa bàn huyện xây dựng chương trình, kế hoạch bảo tồn và phát triển giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; từ 70% số thôn trên địa bàn có đội văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên và chất lượng.

- Tổ chức các lớp truyền dạy về cách đánh công chiêng, chỉnh chiêng và các lớp dân ca, dân vũ cho thanh niên người dân tộc; trang bị nhạc cụ truyền thống (công chiêng, trống, kèn,..) và trang phục truyền thống cho các đội chiêng, đội văn nghệ trên địa bàn huyện.

3. Mục tiêu cụ thể đến giai đoạn 2035

- Phấn đấu trên 100% các xã trên địa bàn huyện có hoạt động sinh hoạt, biểu diễn công chiêng được trang bị công chiêng.

- Xây dựng các tổ, đội văn nghệ dân gian truyền thống, nhân rộng các mô

hình diêm và tiến tới hướng dẫn con em người dân tộc biết sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống, dân ca, dân vũ trong các buổi lễ, ngày hội.

- Phối hợp Phòng Quản lý văn hóa - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng xây dựng chương trình, kế hoạch tiến hành kiểm kê di sản văn hóa công chiêng của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nhằm xác định giá trị, số lượng (số lượng công chiêng, bài chiêng cổ, nghệ nhân truyền dạy) phục vụ quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa công chiêng trong những giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục xây dựng, duy trì hiệu quả và nhân rộng các mô hình, hoạt động trong giai đoạn 2021 - 2026 trên địa bàn huyện.

II. NHIỆM VỤ BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG

1. Mở lớp truyền dạy công chiêng, chỉnh chiêng, tìm những nghệ nhân có năng khiếu về khả năng thâm âm các loại chiêng trên địa bàn huyện, phối hợp với các nghệ nhân truyền dạy kỹ năng chỉnh chiêng để lưu truyền kỹ năng chỉnh chiêng cho các thế hệ kế cận.

2. Mở lớp truyền dạy dân ca, dân vũ cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số trong huyện, nhằm khơi gợi lòng đam mê hát dân ca, dân vũ cho các em, để lưu giữ nghệ thuật hát dân ca, dân vũ cho thế hệ kế cận.

3. Cấp trang phục truyền thống: Chọn và cấp trang phục cho các đội chiêng, các đội văn nghệ ở các thôn có nhiều thành tích trong việc bảo tồn, phát huy gìn giữ di sản văn hóa công chiêng để các đội chiêng, đội văn nghệ chủ động hơn trong việc tập luyện hoặc tham gia vào các hoạt động giao lưu, biểu diễn tại cộng đồng cũng như trong và ngoài huyện.

4. Trang bị công chiêng cho các đội chiêng ở các buôn làng nhằm khích lệ, động viên tinh thần đối với các nghệ nhân đánh chiêng cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm, gìn giữ giá trị văn hóa, giá trị di sản văn hóa công chiêng và góp phần phát huy có hiệu quả trong hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở các buôn, làng.

5. Tổ chức lớp truyền dạy sử thi để thế hệ trẻ có điều kiện tiếp xúc và hiểu được nghệ thuật hát kể sử thi, từ đó giúp họ ý thức và yêu quý vốn văn hóa truyền thống quý báu đang có nguy cơ mất hẳn trong đời sống sinh hoạt cộng đồng.

6. Thống kê, sưu tầm, ghi chép lưu giữ các bài chiêng cổ trong nghi lễ vòng đời người, nghi lễ nông nghiệp của đồng bào các dân tộc bản địa (ghi âm, ghi hình, chụp ảnh tư liệu).

7. Thống kê, đề xuất cấp có thẩm quyền tôn vinh số lượng nghệ nhân dân gian có khả năng truyền dạy đánh công chiêng, chỉnh (sửa) công chiêng và nhớ được các bài chiêng hiện có.

8. Tổ chức Liên hoan văn hóa công chiêng giữa các thôn, xã trên địa bàn định kỳ 02 năm/lần và cử các đoàn nghệ nhân đi tham gia các giao lưu văn hóa công chiêng giữa địa phương trong tỉnh, ... để đồng bào ý thức và tự hào, yêu quý các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

9. Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề về bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa công chiêng do tỉnh tổ chức; đánh giá kết quả thực hiện đề án, định hướng bảo tồn, phát huy trong giai đoạn tiếp theo.

10. Tổ chức kiểm kê di sản văn hóa công chiêng của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn huyện.

Phần IV

GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở về vai trò trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng. Tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, sinh động, giúp cho đồng bào ý thức được việc bảo tồn, phát huy văn hóa công chiêng trong cộng đồng.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa công chiêng nhằm ngăn chặn tình trạng “chảy máu công chiêng”, có các biện pháp để bảo vệ và xử lý đối với các hành vi trộm cắp, hủy hoại công chiêng.

3. Thường xuyên khích lệ, khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa công chiêng trong sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, trong các hoạt động du lịch, văn hóa. Chú trọng đưa hoạt động văn hóa truyền thống, trong đó có công chiêng vào sinh hoạt trong nhà sinh hoạt cộng đồng của đồng bào các dân tộc tại chỗ.

4. Phối hợp với các nghệ nhân truyền dạy công chiêng, chỉnh chiêng, nhạc cụ dân tộc cho con em đồng bào dân tộc trong cộng đồng. Động viên, khuyến khích các nghệ nhân, các đội chiêng và các gia đình gìn giữ phát huy văn hóa công chiêng trong đời sống cộng đồng.

5. Giải pháp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Khuyến khích các nghệ nhân trực tiếp tham gia mở các lớp đào tạo, truyền dạy đánh công chiêng, truyền dạy chỉnh chiêng;

- Phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa cấp xã, thôn tổ chức các hoạt động giao lưu học hỏi kinh nghiệm, tập huấn công tác sưu tầm, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng.

6. Giải pháp nguồn vốn: Sử dụng nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và chú trọng thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động văn hóa gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống DTTS nói chung và hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng nói riêng. Huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án này.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tình hình triển khai Đề án của các phòng, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã để tổng hợp và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng theo quy định. Kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung của Đề án khi cần thiết.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt theo đúng quy định.

2. Đề nghị UBMTTQ VN và các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục quần chúng nhân dân, đoàn viên, hội viên của mình nêu cao tinh thần thực hiện việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá của các dân tộc.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực tham gia gìn giữ, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế, du lịch cộng đồng của địa phương.

3. Phòng Dân tộc

Chủ trì, tham mưu các chế độ các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Hàng năm thẩm định, tham mưu UBND huyện nguồn kinh phí bố trí cho Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan liên quan để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

5. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2035” trên địa bàn huyện Đam Rông trên hệ thống thông tin cơ sở.

- Phối hợp các cơ quan, ngành, địa phương xây dựng các tổ, đội văn nghệ dân gian truyền thống, nhân rộng các mô hình điểm và tiến tới hướng dẫn con em người dân tộc biết sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống, dân ca, dân vũ trong các buổi lễ, ngày hội.

- Tổ chức Liên hoan văn hóa công chiêng giữa các thôn, xã trên địa bàn định kỳ 02 năm/lần và đề xuất thành lập các đoàn nghệ nhân đi tham gia các giao lưu văn hóa công chiêng giữa địa phương trong tỉnh...

6. Ủy ban nhân dân các xã

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án này của huyện phù hợp với điều kiện của địa phương; rà soát, lập quy hoạch quỹ đất xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao các thôn trên địa bàn; bố trí kinh phí, bố trí nguồn lực để triển khai đạt hiệu quả; phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.

- Xây dựng các tổ, đội văn nghệ dân gian truyền thống, nhân rộng các mô hình điểm và tiến tới hướng dẫn con em người dân tộc biết sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống, dân ca, dân vũ trong các buổi lễ, ngày hội.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai ít nhất 01 mô hình bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã. Từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các phong tục, lối sống không còn phù hợp ra khỏi cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các chương trình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc trên địa bàn gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế, du lịch của địa phương

- Hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung tại Đề án này về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Trương Hữu Đồng



Đam Rông, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “ Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Thực hiện Công văn số 912 -CV/BTCTU ngày 15/6/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương

Ngay sau khi Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 18 - NQ/TW, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn huyện để quán triệt, triển khai thực hiện; đồng thời, xây dựng và ban hành Kế hoạch số 59-KH/HU, ngày 31/5/2018 cụ thể hóa Nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế địa phương và chỉ đạo thực hiện thống nhất trong toàn Đảng bộ; trong đó, xác định rõ nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ theo lộ trình, tiến độ thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Qua đó, các cấp ủy Đảng đã nhận thức được rõ hơn mục đích, yêu cầu, các giải pháp thực hiện, là nhiệm vụ cấp bách, chiến lược và lâu dài, từng bước có lộ trình và bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài, phù hợp với thực tiễn của địa phương, gắn với việc thực hiện Đề án vị trí việc làm và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị. Bước đầu đã tạo sự chuyển biến, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị địa phương, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, sự nỗ lực của các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng văn bản

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ để triển khai thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW trên địa bàn huyện, như: Ban hành Đề án số 01 -ĐA/HU ngày 03/4/2017 vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện; Kế hoạch số 41-KH/HU, ngày 11/5/2017 thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2015-2020 và những năm tiếp theo; Quy định số 05-QĐ/HU, ngày 07/8/2017 Quy định một số nội dung về phân cấp quản lý và tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện và cấp cơ sở huyện Đam Rông, Quy định số 03-QĐ/HU, ngày 31/3/2019 về phân cấp, quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 01-QĐ/HU, ngày 31/5/2018 về Luân chuyển cán bộ; Kế hoạch số 72-KH/HU, ngày 02/11/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ...

2. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy toàn huyện tại thời điểm 30/6/2017 (trước khi Trung ương ban hành Nghị quyết 18-NQ/TW) và tại thời điểm 30/6/2022 (sau 05 năm thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW).

*** Tại thời điểm 30/6/2017:**

- Các tổ chức hành chính, cụ thể như sau:

+ Số lượng cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc cấp ủy gồm: 05 đơn vị (Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy).

+ Các Ban của HĐND huyện gồm: 3 ban (Ban Kinh tế - xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc).

+ Số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện gồm: 13 đơn vị (Văn phòng HĐND&UBND, phòng Nội vụ, phòng Tư pháp, phòng Giáo dục & Đào tạo, Thanh tra, phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng TN-MT, phòng Nông nghiệp & PTNT, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Dân tộc, phòng LĐTB&XH, phòng Y tế, phòng Văn hóa và Thông tin).

+ Tổng số các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gồm: 05 đơn vị (Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động huyện).

+ Số đơn vị hành chính cấp xã gồm: 08 xã với 56 thôn.

+ Tổng số tổ chức cơ sở Đảng: Toàn huyện có 32 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 13 đảng bộ cơ sở với 132 chi bộ trực thuộc và 19 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy với tổng số đảng viên là 1.333 đồng chí.

- Các đơn vị sự nghiệp:

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy gồm: 01 đơn vị là Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.

+ Đơn vị trực thuộc UBND huyện gồm: 41 đơn vị (Trung tâm Văn hóa, TDTT huyện; Đài Truyền thanh – Truyền hình; Trung tâm Nông nghiệp; Trung tâm QL&KTCTCC huyện; Trung tâm PTQĐ; Trung tâm GDNN-GDTX; Ban Quản lý rừng PH Sêrêpôk; Ban QLRPH Phi Liêng) và 33 đơn vị trường học.

*** Tại thời điểm 30/6/2022:**

Số lượng tổ chức bộ máy các đơn vị hành chính vẫn giữ nguyên; đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện còn 06 đơn vị (Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao huyện; Trung tâm Nông nghiệp; Trung tâm QL&KTCTCC huyện; Trung tâm GDNN-GDTX; Ban Quản lý rừng PH Sêrêpôk; Ban QLRPH Phi Liêng) và 33 đơn vị trường học .

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bao gồm: 38 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó có 11 đảng bộ và 27 chi bộ cơ sở với 136 chi bộ trực thuộc Đảng ủy và 1.652 đảng viên.

(có phục lục kèm theo)

2.2. Kết quả sắp xếp

Trên cơ sở Kế hoạch của Huyện ủy, cấp ủy cơ sở, các ngành, các địa phương đã vận dụng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình, đề ra các mục tiêu, lộ trình theo từng năm và qua các giai đoạn đến năm 2020, 2020-2025, 2025-2030. Trọng tâm là: Rà soát quy mô, chức năng, nhiệm vụ và biên chế của các cấp, các ngành trực thuộc, nhất là rà soát quy mô diện tích, dân số ở các xã, thôn; rà soát xác định các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để hợp nhất hoặc thí điểm hợp nhất, áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy. Kết quả đạt được, cụ thể như sau:

- Về giảm số lượng cấp phó: Trong thời gian qua, huyện Đam Rông đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình việc bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm cán bộ gắn liền với quy hoạch cán bộ và phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Thực hiện việc bổ nhiệm theo đúng quy trình, thủ tục và phân cấp cán bộ; chỉ thực hiện bổ nhiệm lại, bổ nhiệm mới cấp phó khi còn số lượng cấp phó theo quy định. Do vậy, số lượng cấp phó tại các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của huyện cơ bản đảm bảo so với quy định, không có đơn vị nào vượt số lượng cấp phó theo quy định. Đồng thời, Ban Thường vụ Huyện ủy

Đam Rông cũng đã rà soát, điều động giảm 01 cấp phó đối với một số cơ quan, đơn vị sau: Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện đoàn, phòng Tư pháp, Y tế, Dân tộc.

- Đã thực hiện chủ trương Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện; Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện.

- Đối với việc sắp xếp các Ban Chỉ đạo: Thời gian qua các Ban Chỉ đạo của huyện được thành lập trên cơ sở quy định, hướng dẫn của các sở, ban, ngành cấp trên có liên quan; một số Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đột xuất do Huyện ủy, UBND huyện giao, đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm không được giao biên chế và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Về việc thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND xã, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND xã: Hiện nay, huyện Đam Rông đã bố trí được 06/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã (xã Đạ Long, Đạ Tông, Liêng Srônh, Đạ Rsal, Phi Liêng và Đạ Knàng) 02/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND xã (xã Rô Men và Đạ M'Rông).

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tinh giản đội ngũ cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn bằng các biện pháp cụ thể như: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã kiêm trưởng các đoàn thể, Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn hoặc Trưởng ban Mặt trận, Bí thư hoặc Phó Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn... Đồng thời, thực hiện đồng bộ việc bố trí công an chính quy về các xã.

- Về việc khắc phục tình trạng trưởng thôn không phải là đảng viên được Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm và chỉ đạo triển khai thực hiện. Hiện nay toàn huyện có 30/53 trưởng thôn là đảng viên, 12/53 phó thôn là đảng viên, 17/53 trưởng ban công tác mặt trận thôn là đảng viên.

- Về việc triển khai thực hiện việc sáp nhập các thôn chưa đủ điều kiện theo quy định, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện tiến hành rà soát, khảo sát thực trạng các thôn trên địa bàn huyện và thực hiện sáp nhập (từ 56 thôn năm 2017 đến nay còn 53 thôn).

- Về việc hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện: Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện. Theo đó, dự kiến số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện thực hiện việc sáp nhập là 08 đơn vị (trong đó, đơn vị sự nghiệp thuộc khối giáo dục là 04 đơn vị, đơn vị sự nghiệp khác là 04 đơn vị). Đến nay, đã tiến hành việc sáp nhập với 06 đơn vị là Trung tâm Văn hóa TDTT huyện với Đài TT-TH huyện; Trung tâm QL&KTCTCC huyện với Trung

tâm Phát triển quỹ đất và 02 đơn vị trường học. Ngoài ra cũng đã chuyển một số điểm trường về trường chính.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động

a) Thực trạng biên chế công chức, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị tại thời điểm 30/4/2015 (trước khi ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị) và tại thời điểm 30/6/2022 (sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW).

- Biên chế công chức:

+ Số được giao năm 2017: 157 biên chế (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 59 biên chế, khối nhà nước là 98 biên chế);

+ Số được giao năm 2022: 152 biên chế (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 56 biên chế, khối nhà nước là 96 biên chế);

+ Số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm 30/6/2022: 141 biên chế (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 46 biên chế, khối nhà nước là 95 biên chế).

- Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp):

+ Số được giao năm 2017: 1.137 người làm việc (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 05 người, khối nhà nước là 1.132 người);

+ Số được giao năm 2022: 1145 người làm việc (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 03 người, khối nhà nước là 1.140 người);

+ Tổng số người làm việc thực tế có mặt tại thời điểm 30/6/2022: 1.064 người làm việc (trong đó: khối Đảng - Đoàn thể là 03 người, khối nhà nước là 1.061 người);

4. Kết quả tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc tinh giản biên chế; theo đó một số phòng, ban, đơn vị, địa phương đã chủ động tinh giản đầu mối, tăng cường kiêm nhiệm, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Kết quả tinh giản biên chế trên toàn huyện từ năm 2017 đến nay, cụ thể như sau:

- Đối với khối Đảng - Đoàn thể: Tại thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn 47/56 biên chế được giao và 04 hợp đồng số 68/2000/NĐ-CP,

- Đối với khối Nhà nước: Từ năm 2017 đến nay đã thực hiện tinh giản được 36 trường hợp, trong đó tại cơ quan hành chính là 02 trường hợp, tại các đơn vị sự nghiệp công lập là 27 trường hợp và 07 cán bộ, công chức cấp xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương đã được Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sâu sát đến tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trong huyện. Qua đó, các cấp ủy Đảng, các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện; cán bộ và đảng viên nâng cao được nhận thức, nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với việc tinh giản biên chế. Qua đó, đã tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao và bước đầu cũng đã đạt được những kết quả tích cực.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và chỉ đạo việc thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, cá biệt có nơi có tư tưởng không muốn tinh giản, không muốn sáp nhập.

- Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế chưa đầy đủ, có mặt còn hạn chế.

- Mặt bằng trình độ và cơ cấu nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành chưa hợp lý, năng lực hạn chế nên có một số đơn vị còn khó khăn, hoạt động chưa hiệu quả sau khi tinh giản, sáp nhập.

- Số lượng biên chế xác định tinh giản từ năm 2017 đến năm 2022 chủ yếu là nghỉ hưu trước tuổi. Việc tinh giản biên chế chủ yếu là tự nguyện thiếu giải pháp tích cực để tinh giản biên chế đối với những trường hợp có trình độ, năng lực yếu.

- Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn, thực hiện khó khăn, nhạy cảm và phức tạp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhất là liên quan đến công tác nhân sự, do đó chưa thể làm ngay mà cần phải có thời gian, lộ trình cụ thể và phải có sự hướng dẫn của cấp trên, sự phối hợp của nhiều cấp, nhiều ngành.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế nêu trên; để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thời gian tới Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông sẽ tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

1. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình đã nêu trong Kế hoạch số 59-KH/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy. Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy để khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ - thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Quan tâm chỉ đạo thường xuyên đối với các chức danh nhất thể hóa, các cơ quan, đơn vị mới được sáp nhập, đảm bảo ổn định, từng bước đi vào nề nếp.

- Tiếp tục thực hiện mô hình Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch HĐND cấp xã; Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch UBND cấp xã ở những nơi có điều kiện.

- Duy trì bền vững thôn có chi bộ, khắc phục tình trạng trưởng thôn không phải là đảng viên; đẩy mạnh thực hiện mô hình Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn hoặc kiêm Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

- Chỉ đạo UBND huyện rà soát, xây dựng đề án, phương án sắp xếp, sáp nhập các thôn chưa đủ điều kiện theo quy định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác triển khai đánh giá, xếp loại cuối năm, đưa nhiệm vụ tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế vào một trong những tiêu chí quan trọng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý biên chế, thực hiện tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức; Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản biên chế đối với số cán bộ không chuyên trách ở xã, thôn theo hướng cán bộ chuyên trách hoặc công chức cấp xã kiêm nhiệm; trưởng các đoàn thể xã kiêm Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam xã.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Nghị định.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 18-NQ/TW vì chỉ khi tất cả các nhiệm vụ, giải pháp được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở thì việc “ đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” mới đạt hiệu quả cao nhất.

2. Đối với Chính phủ

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ số hóa ở các lĩnh vực đồng bộ, liên thông, giảm áp lực công việc lên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện hiệu quả việc tinh giản biên chế.

3. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ ứng dụng Công nghệ thông tin, số hóa, liên thông trong các lĩnh vực.

Trên đây là Báo cáo Kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Huyện ủy,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc,
- Lưu Văn Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng
“Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022 -2030”
trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030”; Ban Thường vụ huyện ủy Đam Rông xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2022-2030

1. Quan điểm

- Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới, theo tinh thần Nghị quyết số 88/NQ-QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt “*Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030*”; Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) “*Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*” và đặc biệt Nghị quyết số 16-NQ/TU, NGÀY 03/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030*”.

- Xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền cơ sở trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của hệ thống chính trị và sự đồng thuận vào cuộc của toàn xã hội để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã đề ra.

- Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên nơi có đồng tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực xã, thôn còn đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số toàn diện trên các mặt, lĩnh vực, trong đó chú trọng: nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung; phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Phần đầu thu nhập bình quân đầu người trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ 84 đến 87 triệu đồng/năm (*bằng 70 % thu nhập bình quân đầu người của tỉnh*); chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và dịch vụ.

- Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm (*theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2021-2025*).

- Phần đầu 100% các xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới.

- 98,5% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 93,5% đồng bào DTTS được sử dụng nước hợp vệ sinh; 95% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường 100 %; học sinh tiểu học, trung học cơ sở đến trường 99%, học sinh trung học phổ thông đến trường 85%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 98%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế vùng đồng bào DTTS đạt trên 85 %; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95%. Trên 80 % phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 24,5%.

- Giải quyết cơ bản Dự án sắp xếp ổn định dân cư tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số di dân tự do tại khu vực Tây Sơn - Tiểu khu 179 và Tiểu khu 181 xã Liêng Srôngh; đồng thời thực hiện hoàn thiện dự án định canh, định cư xen ghép

cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tại Tiểu khu 72 xã Đạ Long và Tiểu khu 68 xã Đạ M'Rông.

- Giải quyết cơ bản các vấn đề về xóa nhà tạm, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo 35% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 70% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số tại chỗ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương theo quy định.

2.2.2. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Từ 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS;

- Thu hẹp căn bản khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá chất lượng cao; tiếp tục thực hiện nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hoá, xã hội, giảm nghèo nhằm từng bước phát triển toàn diện, nhanh, bền vững; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững ổn định và vững chắc.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp đột phá

- Thổi chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Khai thác lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo phù hợp, đúng quy định để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng bền vững.

- Xác định nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số là then chốt, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là bộ phận tham mưu quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

- Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước và quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tổ chức quán triệt sâu, rộng nội dung tinh thần các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2. Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch, đề án để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

2.3. Về phát triển kinh tế

2.3.1. Lĩnh vực nông nghiệp

+ Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với đặc thù của địa phương.

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tiến tới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo nhóm sản phẩm chủ lực.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

2.3.2. Lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở thiết yếu

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực khác để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư tập trung, xen ghép để sớm sắp xếp, ổn định dân cư.

2.3.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch

+ Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối với chợ trung tâm cụm xã. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát

triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, gắn với tập tục truyền thống đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; Khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên nhằm phục vụ phát triển du lịch, đảm bảo không làm tổn hại đến cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Chú trọng phát triển các loại hình du lịch gắn gũi với thiên nhiên, thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch canh nông, du lịch cộng đồng, du lịch xanh.

2.4. Về phát triển văn hóa - xã hội

2.4.1. Lĩnh vực giáo dục & đào tạo

+ Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại trường Phổ thông Dân tộc Nội trú - THCS Đam Rông, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em người dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

+ Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

+ Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.4.2. Lĩnh vực y tế và dân số

+ Ưu tiên giải quyết các vấn đề về chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

2.4.3. Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

+ Triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở, khuyến khích xã hội hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”

2.5. Về Quốc phòng - An ninh

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động biểu tình, bạo loạn, gây rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “*điểm nóng*” về an ninh, trật tự. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an ở xã trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

2.6. Về củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh toàn diện về mọi mặt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai, quán triệt Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai Chương trình hành động; đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch triển khai sát hợp với địa phương, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình cụ thể; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Các ban xây dựng Đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện tốt Chương trình hành động này.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tăng cường vận động các dân tộc thiểu số đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy vai trò những người tiêu biểu, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền vận động đồng bào xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách vùng đồng bào dân tộc ở cơ sở.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐAM RÔNG

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông xây dựng Chương trình hành động thực hiện nghị quyết, với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐAM RÔNG.

1. Thực trạng phát triển công nghiệp

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp huyện Đam Rông đã có tăng trưởng khá, tốc độ phát triển công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2015 đến năm 2020 đạt 14,7%; Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng 14,92% (617 lao động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp). Trong đó, tập trung một số ngành công nghiệp như: Công nghiệp khai thác khoáng sản, làm vật liệu xây dựng, chủ yếu phục vụ cho việc xây dựng giao thông dân dụng và nhà ở của nhân dân trong vùng; Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, chủ yếu là phục vụ nhu cầu tại chỗ, chưa mang tính sản xuất công nghiệp tập trung và chưa có tính hàng hóa; Công nghiệp năng lượng, hiện nay có 02 dự án đã phát điện hòa vào lưới điện quốc gia (Thủy điện Đắk Mê 1 đạt công suất đạt 5,5 MW; thủy điện Krông Nô 2&3 đạt công suất 46MW), 12 dự án điện năng lượng mặt trời mái nhà (công suất >100kWp) với tổng công suất là 10.033,4kWp. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 01 cơ sở khai thác than bùn làm nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, 03 cơ sở sản xuất gạch không nung, 03 cơ sở chế biến cà phê, 20 cơ sở cơ khí sản xuất nông cụ phục vụ nông nghiệp, 01 cơ sở sản xuất ống nước phục vụ nông nghiệp, 10 cơ sở mộc gia dụng, 02 cơ sở sản xuất đồ gỗ cao cấp.

2. Những khó khăn vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Mặt bằng kinh tế của huyện không cao, sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu ngành kinh tế; dịch vụ - thương mại phát triển chưa mạnh, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong thúc đẩy phát triển CN - TTCN ở huyện Đam Rông. Mặt khác, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất CN - TTCN trên địa bàn huyện vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn hỗ trợ khuyến công còn hạn chế, hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sự cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ sản phẩm, việc vận chuyển sản phẩm tới các địa phương trong và ngoài tỉnh, chất lượng nguồn lao động tại chỗ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu sản xuất.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. Đồng thời, tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 70-CTr/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng *“Về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) *“Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”*; Nghị quyết Đại Hội Đảng bộ huyện Đam Rông (lần thứ IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND, ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đam Rông *“Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025”*; Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của huyện. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của huyện; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế

biển, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của huyện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương: Cụ thể hóa các nhiệm vụ và phân công trách nhiệm để các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Trước mắt, tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thu hút đầu tư, giao đất và phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển và nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu và xây dựng nông thôn mới; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản đã qua chế biến; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn đầu tư, thị trường, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng triển khai dự án có quy mô lớn làm động lực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 15 - 16%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 15%;
- Giải quyết việc làm trong 5 năm 1.000 - 1.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 20%.

2.3. Định hướng đến năm 2030

- Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 17 - 18%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 18%.
- Giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 25%.
- Duy trì và phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của huyện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

1.1. Phát triển công nghiệp chế biến có lợi thế cạnh tranh về vùng nguyên liệu, sử dụng công nghệ hiện đại thân thiện môi trường

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, cây dược liệu nhằm khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án chế biến thực phẩm có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; các trung tâm sau thu hoạch nông sản tại các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, mã số vùng trồng.

- Tiếp tục khôi phục, phát triển ngành nghề ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng. Tập trung phát triển các sản phẩm chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu rừng trồng; ứng dụng khoa học, công nghệ vào chế biến lâm sản để tạo ra các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; trong đó tạo điều kiện phát triển sản xuất các sản phẩm nội thất cao cấp từ gỗ, đồ mỹ nghệ, chế biến giấy....

- Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, giảm tối đa tác động đến cảnh quan, môi trường sinh thái, đất rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tại chỗ. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng thông thường; sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường để sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhân tạo thay thế các nguồn vật liệu tự nhiên. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản để hạn chế tình trạng bán thô, sử dụng tài nguyên khoáng sản kém hiệu quả.

1.2. Phát triển công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến

- Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, cung cấp các thiết bị, linh kiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp khai khoáng đáp ứng tiêu chuẩn và có khả năng cạnh tranh cao với hàng nhập khẩu. Phát triển các cơ sở cơ khí có quy mô phù hợp để đáp ứng nhu cầu chế tạo, lắp ráp, sửa chữa dây chuyền thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

1.3. Hình thành và phát triển chuỗi liên kết trong hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu

- Tiếp tục phát triển và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu và đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư mở rộng, chiều sâu các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản, dệt may hiện có. Hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm (*trước và sau chế biến*) chủ lực của huyện như: Cà phê, mắc ca, dâu tằm, rau củ quả, dược liệu với quy mô phù hợp.

- Đầu tư phát triển bảo quản nông sản, các trung tâm Logistics để tăng hiệu quả liên kết tiêu thụ hàng hóa, nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển các thương hiệu, nhãn hiệu gắn với vùng nguyên liệu đặc trưng của huyện. Hỗ trợ đầu tư phát triển các khu trung bày, cửa hàng giới thiệu, quảng bá sản phẩm chủ lực của huyện tại các thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường liên kết với các địa phương, vùng lân cận để thu hút các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia sản xuất, cung cấp linh kiện, vật tư, nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp, sản xuất nông nghiệp. Từng bước xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp thực hiện chuỗi dịch vụ chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện.

2. Phát triển các cụm công nghiệp tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp

2.1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp Đam Rông (*theo đồ án quy hoạch vùng huyện*) để tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở phát triển cụm công nghiệp phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Giai đoạn 2025 - 2030 tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội tại cụm công nghiệp Đam Rông trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hàng năm để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hoàn thiện các công trình đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp (*khi không thu hút được nhà đầu tư xây dựng hạ tầng*) và hệ thống giao thông kết nối cụm công nghiệp với hệ thống giao thông của huyện.

2.3. Tăng cường thu hút vốn đầu tư FDI vào chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ tại cụm công nghiệp trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị “*Về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư đến năm 2030*” trên địa bàn huyện Đam Rông.

2.4. Xây dựng lộ trình và di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư; đồng thời, tạo điều kiện về quỹ đất để tập trung di chuyển các nhà máy, cơ sở sản xuất này vào khu, cụm công nghiệp.

3. Phát triển công nghiệp năng lượng dựa trên lợi thế của huyện

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 03/8/2020 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị “*Về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực an ninh quốc phòng. Khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp xấp xỉ năng suất thấp. Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện.

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

4. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn

4.1. Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc hiện có và phát triển những làng nghề mới để giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn; trong đó khuyến khích hình thành, mở rộng mô hình phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch (*bao gồm dệt thổ cẩm, mây tre đan, trồng dâu nuôi tằm, ương tơ dệt lụa...*). Khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà nghiên cứu tham gia đào tạo, truyền nghề và thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm nhằm bảo tồn các nét truyền thống của sản phẩm, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của thị trường; tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng việc đa dạng hóa các nguồn vốn, phương thức huy động vốn và cho vay để hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề; hỗ trợ thông qua cung ứng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc, công nghệ mới vào sản xuất và bao tiêu các sản phẩm làng nghề; nâng cao trình độ sản xuất, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu làng nghề.

4.2. Kết hợp, lồng ghép Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, tiếp tục tổ chức đánh giá và công nhận sản phẩm (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Đồng thời phát triển, nâng cao chất lượng, mẫu mã các sản phẩm đã được chứng nhận (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm, vùng nguyên liệu và lao động địa phương.

4.3. Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp để xây dựng Website giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề và áp dụng thương mại điện tử; xây dựng bộ tư liệu, thông tin về các làng nghề, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp làm cơ sở quảng bá, giới thiệu gắn với đầu tư phát triển, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

4.4. Đầu tư nguồn lực, hỗ trợ phát triển hình thành các chuỗi liên kết giá trị với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

5. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp

5.1. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và công bằng; hoàn thiện cơ chế chính sách đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; nhằm tạo điều kiện đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

5.2. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

5.3. Thu hút đầu tư hạ tầng giao thông cấp thiết có tính chất kết nối liên vùng để nâng cao năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư; nâng cao chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

6.1. Quan tâm đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, tạo ra sản phẩm công nghệ cao. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số, các dây chuyền tự động, IoT, internet kết nối vạn vật, máy móc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo phục vụ ngành nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

6.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

6.3. Tăng cường hoạt động hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

7. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

7.1. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp có chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong sản xuất.

7.2. Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, áp dụng công nghệ cao thông qua các chương trình đào tạo nghề của ngành, các cấp. Quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng, tay nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

7.3. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện việc phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; phát huy vai trò các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

8.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý Nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

8.2. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. Thực hiện rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ huyện đến các xã đảm bảo tập trung, hoạt động thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương.

8.3. Tăng cường thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

8.4. Phát huy vai trò của các Hội, Chi hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác... trong việc định hướng, tập hợp, gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực. Xây dựng các Hội, Chi hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác trở thành cầu nối truyền tải các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước đến doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình hành động; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung chương trình hành động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

3. Các tổ chức xây dựng đảng; cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện; các Đảng ủy, UBND các xã có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình này; định kỳ hàng năm sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban cán sự UBND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các ban xây dựng Đảng,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy
“Về đẩy mạnh cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
trên địa bàn huyện Đam Rông

Trong những năm qua, Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả quan trọng. Đã chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; cải tiến lề lối làm việc, đẩy mạnh kiểm soát thủ tục hành chính, công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, người dân và doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đảm bảo trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ở địa phương, cơ quan, đơn vị được phát huy mạnh mẽ. Bộ thủ tục hành chính của huyện thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa theo hướng gọn nhẹ, đơn giản thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực; sự giám sát, đánh giá trực tiếp của người dân và doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức được mở rộng. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ ứng xử, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm của một số cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Bước đầu chuyển giao việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính cấp huyện cho Bru điện huyện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đã rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho cán bộ, công chức, viên chức; hạn chế tình trạng những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết các thủ tục hành chính. Qua đó, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm, tạo động lực thúc đẩy địa phương phát triển ổn định.

Tuy nhiên, Chương trình cải cách hành chính của huyện thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về cải cách hành chính tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ. Một số thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thật sự đơn

giản về trình tự, thành phần hồ sơ. Việc phối hợp các cơ quan chuyên môn trong giải quyết thủ tục hành chính đôi lúc chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Hệ thống văn bản điện tử các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến cơ sở chưa vận hành thông suốt; việc áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 còn hạn chế; cải cách hành chính trong Đảng chưa đồng bộ với cải cách hành chính trong chính quyền...

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính thời gian qua, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Chương trình hành động về cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác cải cách hành chính, quyết tâm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, uy tín, năng lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Từng bước hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời, góp phần triển khai, thực hiện có hiệu quả 4 khâu đột phá, 7 nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải cách hành chính trong Đảng: Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Kịp thời sửa đổi hoặc đề xuất sửa đổi các quy định chồng chéo, không phù hợp theo hướng đơn giản thủ tục, thuận tiện, thống nhất trong thực hiện; nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan Đảng các cấp nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ huyện đến cơ sở. Các chỉ tiêu đến năm 2025, cụ thể:

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức (*trừ tài liệu có độ mật theo quy định*) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan Đảng và giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

- Các cơ quan Đảng cấp huyện kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng với băng thông rộng, kết nối internet có quản lý và kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Đến hết năm 2023, ngành Tổ chức xây dựng Đảng triển khai thực hiện phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (OMS) trong phạm vi toàn huyện; đảm bảo tính liên thông từ khối Đảng - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với khối Chính quyền, liên thông từ huyện đến xã và đảm bảo quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ cán bộ được số hóa chuyển từ hồ sơ trên giấy sang hồ sơ điện tử (*trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước*). Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các phần mềm theo quy định.

2.2. Chỉ số cải cách hành chính của huyện: Phần đầu chỉ số cải cách hành chính của huyện hàng năm đạt 90% và phần đầu đến năm 2030 chỉ số cải cách hành chính của huyện đạt trên 92%.

2.3. Chỉ số hài lòng của người dân: Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập; lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 85%.

2.4. Chỉ tiêu của từng lĩnh vực cải cách hành chính

2.4.1. *Cải cách thể chế*

a) *Mục tiêu đến năm 2025*

- 100% văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện, xã được ban hành đúng kế hoạch và thường xuyên được rà soát; kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; kịp thời triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân biết, thực hiện.

b) *Định hướng đến năm 2030*

- Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách thể chế nhằm giúp công chức, viên chức nhận thức sâu sắc và thực hiện có hiệu quả công tác này, nhất là

công chức, viên chức trực tiếp làm công tác pháp chế của các phòng, ban, ngành, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND các cấp theo quy định, 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định của pháp luật.

2.4.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

b) Định hướng đến năm 2030

- Tối thiểu 90% và phấn đấu 100% thủ tục hành chính của huyện, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 92%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 88%.

2.4.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu đến năm 2025

- 100% các cơ quan, đơn vị được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ,

số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn của UBND huyện không vượt so với quy định.

- Phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Tiếp tục rà soát các thôn đủ điều kiện sáp nhập theo Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định hướng đến năm 2030

- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

2.4.4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

b) Định hướng đến năm 2030

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

2.4.5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu đến năm 2025: Thực hiện cân đối ngân sách của huyện theo hướng đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

b) Định hướng đến năm 2030

- Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính; quản lý chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng định hướng của Chính phủ và bảo đảm vai trò chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

2.4.6. Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ cần nhập dữ liệu một lần.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ có nội dung mật*).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các cấp ủy đảng, thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này trong phạm vi quản lý của mình; xác định thực hiện cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung thực hiện 07 giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác cải cách hành chính

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tập trung quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính; chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương, đơn vị mình theo từng giai đoạn và định kỳ hàng năm; công khai, minh bạch về giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện để

đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cấp trên giám sát cấp dưới, đặc biệt là sự giám sát của Nhân dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2. Cải cách thể chế hành chính, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả ban hành các văn bản lãnh đạo; đổi mới tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; nâng cao chất lượng chuẩn bị, tổ chức các cuộc họp, hội nghị; đổi mới phương thức lãnh đạo; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động, công tác của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở... Tạo sự đổi mới đồng bộ trong hệ thống chính trị, thống nhất liên thông giữa cải cách hành chính của cơ quan Nhà nước với cải cách hành chính của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện, đảm bảo 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định, được tổ chức thi hành nghiêm minh, hiệu quả; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương và phát huy quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, đặc biệt là những cơ chế, chính sách mang tính chất đặc thù của địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, quản lý, bảo vệ rừng, thuế. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức, thái độ, tuân thủ

luật pháp, hình thành cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với đội ngũ trực tiếp giải quyết hồ sơ của người dân và doanh nghiệp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban cấp huyện và UBND cấp xã.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dịch vụ hành chính công của huyện. Nghiên cứu, triển khai, tạo điều kiện cho các dịch vụ hành chính ngoài công lập phát triển để hỗ trợ các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế theo chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan thuộc ngành dọc và cơ quan chuyên môn của UBND trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa quy trình liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng minh bạch, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ. Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện nghiêm Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển chung trong giai đoạn mới.

- Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong đào tạo, bồi dưỡng đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm gắn với vị trí việc làm, sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra trong quá trình thực thi công vụ. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện cải cách hành chính.

- Triển khai thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công

chức, viên chức; động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân gây phiền hà, khó khăn, sách nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP gắn với việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, đánh giá tình hình tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để tăng loại hình tự chủ về tài chính, theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước.

7. Hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước

- Thực hiện quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Thực hiện tốt việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Mở rộng ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) đến các xã theo từng lĩnh vực phù hợp; từng bước liên thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và cung cấp các dịch vụ công trên mạng cho người dân.

- Thường xuyên rà soát hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, kịp thời nâng cấp, trang bị mới các thiết bị cần thiết để duy trì việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các đơn vị cấp xã.

- Trong giai đoạn 2021- 2025 đảm bảo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã trong huyện thực hiện xử lý văn bản điện tử hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống một cửa hiện đại nhằm phục vụ các doanh nghiệp, nhân dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Tạo môi trường làm việc hiện đại trên môi trường mạng, cải cách thủ tục hành chính.

- Xây dựng chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực CNTT để đáp ứng nhu cầu phát triển về ứng dụng CNTT trong cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến người dân, doanh nghiệp (*đặc biệt đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số*); cung cấp đa dạng các kênh giao tiếp, giúp người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức xử lý dịch vụ công phù hợp nhất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, lấy kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến làm tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của các địa phương, cơ quan và đơn vị có liên quan.

8. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị về cải cách hành chính, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm công vụ và cải cách thủ tục hành chính; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, có đánh giá, sơ kết trong từng thời gian nhất định. Bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính Nhà nước tại địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình hành động cải cách hành chính trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đến đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình hành động; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình hành động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết. Đồng thời chỉ đạo Phòng Văn hóa Thông tin; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện xây dựng các trang chuyên đề về công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

4. Ban Dân vận Huyện ủy phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính của địa phương. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; giám sát việc thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan quản lý Nhà nước ở các ngành, các cấp. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình trong thực hiện Chương trình cải cách hành chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Các Ban của Huyện ủy theo chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng các quy định, hướng dẫn, trình tự, thủ tục và các nội dung khác có liên quan cải cách hành chính trong Đảng để cụ thể hóa, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Đồng thời, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện.

6. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện phân bổ ngân sách hàng năm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình hành động; giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng của Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐAM RÔNG

Thực hiện Nghị quyết số 12 - NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy “Về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; căn cứ tình hình thực tiễn của huyện Đam Rông, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đam Rông xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của Chính quyền các cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền huyện Đam Rông, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Căn cứ tình hình thực tiễn, đặc điểm kinh tế - xã hội của huyện, của từng địa phương tổ chức triển khai Nghị quyết đạt mục tiêu đề ra, nhằm xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thống nhất, thông suốt đối với chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Lâm Đồng.

- Xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết để tổ chức thực hiện. Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành thống nhất nhận thức, hành động và xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về chuyển đổi số, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016 - 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAM RÔNG

- Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, công tác ứng dụng công nghệ thông tin triển khai chính quyền điện tử, triển khai chuyển đổi số đã được quan tâm triển khai và đạt được những kết quả quan trọng:

- Hệ thống mạng băng rộng cáp quang, mạng di động 3G, 4G đã được phủ sóng đến 100% các xã trên địa bàn, đảm bảo thông tin liên lạc luôn thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, thông tin liên lạc của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu truy nhập tốc độ cao của các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% cơ quan, đơn vị cấp huyện, các xã có hạ tầng CNTT không chỉ đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc mà còn phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc thông qua môi trường mạng. Một số ứng dụng CNTT đã được triển khai kết nối đồng bộ từ cấp Trung ương, cấp tỉnh đến cơ sở như: Đã kết nối LGSP của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hệ thống báo cáo của tỉnh được triển khai cho 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ; phần mềm quản lý văn bản và điều hành; trực liên thông văn bản; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực... Đây là các hạ tầng nền tảng để phát triển chính quyền điện tử các cấp theo tinh thần Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 29/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại hạn chế đó là: Việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ

liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số còn chậm, thiếu đồng bộ; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn ngại làm việc trên môi trường mạng, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao để tham mưu, triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và vận hành, khai thác có hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin; công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin còn bị động và chưa được quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trên là do: Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, chưa quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; việc triển khai có nơi mang tính hình thức, đối phó; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện, chưa có chế tài cụ thể để đảm bảo thực thi nhiệm vụ; chưa xác định rõ lộ trình, nguồn lực và các mục tiêu ưu tiên cần triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền và huy động các nguồn lực xã hội còn hạn chế.

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Bám sát quan điểm Văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII “*Về đẩy mạnh chuyển đổi số*”; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “*Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 12 NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*Về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao, cụ thể:

- Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng, lợi thế làm động lực cho tăng trưởng. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến phát triển ổn định, bền vững đất nước nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

- Chuyển đổi số, trước tiên là chuyển đổi nhận thức, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền cần nhận thức sâu sắc, toàn diện về chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai chuyển đổi số đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Xác định người dân là trung tâm chuyển đổi số. Tăng cường công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia và giám sát của người dân, cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách; giám thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, thuận tiện, dễ sử dụng; trang bị kỹ năng số cho người dân, xây dựng và hình thành văn hóa số trong xã hội.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành giải pháp phù hợp, tạo động lực cho chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố xuyên suốt, không thể tách rời để chuyển đổi số thành công và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cơ quan Nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, góp phần thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Đam Rông cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số về chính quyền số, xã hội số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- *Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

+ 100% các văn bản, tài liệu chính thức không mật (*theo quy định*) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan Đảng và giữa cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

+ 100% cơ quan đảng các cấp của huyện sử dụng cổng thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

+ 100% tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định số hoá tài liệu.

- *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động*

+ Tối thiểu 80% và phấn đấu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ Tối thiểu 80% và phấn đấu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Phấn đấu chuyển đổi đạt 100% Đài truyền thanh cơ sở hiện tại qua hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông.

+ Phấn đấu 60 % số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Đến năm 2025, ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn được thực hiện trực tiếp trên môi trường điện tử.

- *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

+ Từng bước hình thành và phát triển lĩnh vực hoạt động kinh tế số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%.

+ Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

- *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.*

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

- *Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.*

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

+ Huyện Đam Rông phần đầu nằm trong nhóm giữa các huyện, thành phố của tỉnh về chuyển đổi số.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030.

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

+ Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*).

+ Phần đầu số hóa 100 % hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

+ Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%.

+ Năng suất lao động hằng năm tăng bình quân 8%.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt trên 70%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cấp ủy, chính

quyền, cán bộ, công chức và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số và thực hiện chuyển đổi số trên tinh thần “*nhận thức*” là quyết định, “*người dân*” là trung tâm, “*thể chế và công nghệ số*” là động lực “*nền tảng số*” là đột phá “*an toàn, an ninh*” là then chốt “*chính quyền*” là tiên phong, sự vào cuộc và quyết tâm cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về chuyển đổi số trong cơ quan, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với Nghị quyết, Chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững; đẩy mạnh thanh toán điện tử, phát triển thương mại điện tử.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình chuyển đổi số quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào huyện; thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

1.3. Đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin theo nguyên tắc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin, tránh đầu tư trùng lặp. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển hạ tầng băng thông rộng bắt đầu từ các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện.

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp

cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, môi trường.

1.4. Phát triển dữ liệu

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL các ngành, lĩnh vực; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ khai thác, xử lý, phân tích, hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng, chuẩn hóa các CSDL nền, chuyên ngành và quản lý Nhà nước. xây dựng, chuẩn hóa một số cơ sở dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Hoàn thiện CSDL dân cư, doanh nghiệp, tiến hành kết nối, đồng bộ với CSDL quốc gia; tập trung hoàn thiện CSDL đất đai; phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy, chữa cháy, viễn thông, lưới điện...Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS áp dụng cho các dữ liệu không gian chuyên ngành.

1.5. Phát triển nền tảng số

- Triển khai nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả; xác định danh sách các nền tảng số dùng chung như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, đô thị, ngân hàng số và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

- Triển khai, áp dụng các nền tảng số doanh nghiệp như: Quản trị doanh nghiệp; hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tích hợp dữ liệu và phân tích kinh doanh theo nhiều hình thức (*nguồn mở, thuê dịch vụ...*) phù hợp từng loại hình doanh nghiệp; thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán, nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công và các giao dịch dân sự.

1.6. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Triển khai hiệu quả việc giám sát thông tin mạng xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thông tin trên không gian mạng. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn huyện nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài huyện để đào tạo, thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực CNTT chất lượng cao đến đầu tư, sống và làm việc tại huyện.

- Bổ sung nội dung đào tạo kỹ năng số phù hợp trong các cấp học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp để trang bị cho học sinh, sinh viên kỹ năng thích nghi, sẵn sàng cho môi trường số.

1.8. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, đô thị thông minh. Tăng cường hợp tác, huy động nguồn lực nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, mô hình mới theo nhiều hình thức. Ưu tiên triển khai và ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học có sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu một số công nghệ lõi có thể đi tắt đón đầu, có khả năng bứt phá mạnh mẽ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường.

- Tạo điều kiện, khuyến khích hình thành, mở rộng các vườn ươm doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo hình thành, phát triển.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Đưa toàn bộ dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4.

2.2. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Nhà nước (*trừ các tài liệu mật*) theo quy định.

2.3. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước.

3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Đặc biệt cần tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Đảng từ cấp huyện đến cơ sở; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải cách hành chính trong Đảng. Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số. Trong đó, tập trung xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của huyện để phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý cụ thể như: Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị của huyện, nhất là việc lưu trữ, cập nhật hồ sơ cán bộ từ đó khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả; quản lý công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn toàn huyện; hệ thống tiếp nhận, phản hồi thông tin (*văn bản, phản ánh, kiến nghị, hình ảnh, video ...*) từ các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân gửi đến các cơ quan đảng huyện nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Đổi mới cách thức và phát huy hiệu quả nền tảng số để triển khai các nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; công tác nắm bắt dư luận xã hội, Lịch sử Đảng; định hướng thông tin, quản lý báo chí; lĩnh vực khoa giáo, hoạt động thông tin đối ngoại và nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Thúc đẩy phát triển kinh tế số; trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, công nghiệp 4.0, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia

sẽ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

4.2. Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, gồm: Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số, đầu tư nghiên cứu công nghệ lõi; doanh nghiệp công nghệ thông tin tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số; doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới; doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

4.3. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số.

4.4. Phát triển thương mại điện tử: Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị. Các nhà sản xuất lớn, nhà phân phối vừa và nhỏ, nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, Công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng; tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

4.5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và doanh nghiệp công nghệ số: Triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số Việt Nam trên địa bàn huyện. Trong đó, tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin truyền thông, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ số.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Tích cực phổ biến, tuyên truyền các lợi ích chuyển đổi số, nhất là cơ hội bình đẳng về tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, góp phần thu hẹp khoảng cách số, tiến đến trở thành công dân số.

5.2. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận; tuyên truyền về bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

5.3. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân điện tử, sử dụng hệ thống thông tin chính quyền điện tử và các dịch vụ số của huyện. Hướng dẫn, tuyên truyền rộng rãi để người dân, doanh nghiệp, du khách tiếp cận, sử dụng các sản phẩm công nghệ số của huyện.

5.4. Tăng cường đầu tư quảng bá trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

6.1. Lĩnh vực y tế: Đẩy mạnh triển khai nền tảng đăng ký bác sĩ khám bệnh từ xa góp phần cải cách hành chính, giảm tải cơ sở y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe, y tế công cộng dựa trên nền tảng công nghệ số; triển khai phần mềm Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, xử phạt hành chính vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

6.3. Lĩnh vực nông nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng: Phát triển nông nghiệp công nghệ, nông nghiệp thông minh, ứng dụng phần mềm Cổng thông tin nông sản và Bản đồ sản lượng nông sản nhằm phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu người nông dân, kết nối người nông dân và chuyên gia nông nghiệp. Triển khai các ứng dụng công tác quản lý rừng.

6.4. Lĩnh vực văn hóa, du lịch: Tăng cường đầu tư quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Đam Rông thân thiện, văn minh trên không gian mạng, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội. Triển khai nền tảng Cơ sở dữ liệu du lịch huyện Đam Rông.

6.5. Lĩnh vực tài chính: Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc.

6.6. Lĩnh vực giao thông - vận tải: Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện giao thông.

6.7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu dùng chung với các hệ thống thông tin quốc gia và các ngành, lĩnh vực khác.

6.8. Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Tăng cường ứng dụng công nghệ số, nền tảng thu thập, phân tích dữ liệu phục vụ hoạch định tối ưu nguồn lực, hỗ trợ quản lý, điều hành, giám sát, điều khiển tự động các hệ thống, dây chuyền sản xuất công nghiệp.

6.9. Lĩnh vực xây dựng: Số hóa các hồ sơ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư theo đúng quy định; tích hợp thông tin pháp lý đối với công tác quản lý dân cư, đất đai, giao thông và các dịch vụ công trong đô thị; cải cách hành chính, hiện đại hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

6.10. Lĩnh vực công nghệ thông tin: Hoàn thiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ chính quyền số, số hóa dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, số hóa các quy trình nghiệp vụ; ưu tiên vận hành hệ thống giao ban điện tử trực tuyến (hội nghị truyền hình) từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã và “nâng cấp, xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan đảng, nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện và từ cấp huyện đến cấp xã trên địa bàn huyện.

7. Nguồn lực chuyển đổi số

Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp tác khác, Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số do cơ quan Nhà nước chủ trì thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức cơ sở Đảng triển khai thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện; trong đó xác định lộ trình, dự án bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng sử dụng dịch vụ chuyển đổi số, tích cực hưởng ứng và thích ứng cuộc sống số.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện,
- Các Tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc

Số: 99 /BC-TCKH

Đam Rông, ngày 23 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm, giai đoạn 2020-2025
trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2022**

Thực hiện Công văn số 438-CV/HU ngày 21/6/2022 của Huyện ủy V/v chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy.

Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo tình hình triển khai thực hiện các công trình trọng điểm, giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

I. Đối với 08 công trình trọng điểm giai đoạn 2015-2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025.

1. Công trình nước sạch xã Đạ Rsal

Công trình do DNTN Xăng Dầu Văn Thân làm chủ đầu tư; Công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt của đồng bào con nhân dân xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông.

2. Công trình: Đường giao thông từ Brông Rét xã Rô Men đi xã Đạ M'Rông

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 08/6/2017, điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 08/7/2019. Công trình do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng làm chủ đầu tư; giai đoạn 1 đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 12/4/2022. Sở Giao thông vận tải đang tiến hành các thủ tục, triển khai thực hiện dự án theo quyết định đã được phê duyệt; dự kiến, công trình sẽ khởi công vào cuối năm 2022.

3. Công trình: Trường THCS Bằng Lăng (Nay là trường THCS Võ Nguyên Giáp) - Hạng mục: XD 08 phòng học

Công trình được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 30/10/2018, từ nguồn vốn Chương trình 30a thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019 - 2020; UBND huyện Đam Rông phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 1902a/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018, với tổng mức đầu tư là: 6.000 triệu đồng. Đến nay, công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; khối lượng công việc đã thực hiện, nghiệm thu là: 5.498 triệu đồng; vốn đã cấp và giải ngân là: 4.413 triệu đồng; số kinh phí còn thiếu để thanh toán cho các nhà thầu là: 1.085 triệu đồng. UBND huyện đã lập tờ trình gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét bố trí nguồn kinh phí.

4. Đường cứu hộ cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men.

Công trình do Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư là: 324.000 triệu đồng. Tổng số kinh phí đã được phân bổ và giải ngân của dự án là 289.703 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 172.266 triệu đồng, ngân sách tỉnh 117.437 triệu đồng.

- Đến nay, dự án đã hoàn thành xong gói thầu số 1 với tổng chiều dài 2.710m.

- Hiện đang triển khai thi công các nhánh đường trong khu dân cư Đông Nam và các nhánh còn lại của gói thầu số 2b; dự án đã triển khai hoàn thành cơ bản các hạng mục chính, khối lượng công việc hoàn thành được trên 90% tổng khối lượng; đơn vị thi công vẫn đang thực hiện các hạng mục còn lại của dự án để sớm hoàn thiện các tuyến đường thuộc dự án trong khu hành chính Bằng Lăng. UBND huyện đã có tờ trình gửi UBND tỉnh xem xét, cho phép kéo dài thời gian thực hiện dự án đến ngày 31/12/2022; đồng thời, cấp bổ sung số kinh phí để thanh toán các khoản đã chi phí thực hiện và tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

5. Đập thủy lợi Bằng Lăng.

Công trình do Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư là: 56.000 triệu đồng; vốn đã cấp là: 47.070 triệu đồng, đã giải ngân là: 32.328 triệu đồng. Năm 2022, vốn bố trí là 23.500 triệu đồng, giải ngân giải ngân đến ngày 22/6/2022 được 13.543 triệu đồng, đạt tỷ lệ 57,63% so với kế hoạch vốn.

- Công tác bồi thường GPMB cơ bản đã hoàn thành và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công; dự án đã thực hiện xong phần giếng thu nước; hệ thống điện.

- Hiện đang triển khai thi công phần thân đập và sẽ hoàn thành dự án vào cuối năm 2022 theo quyết định phê duyệt điều chỉnh của UBND tỉnh.

6. Các hạng mục công trình thuộc Dự án tái định canh, định cư khu Đạ M'Pô (TK176 - xã Liêng Srônh).

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 26/10/2015, với tổng mức đầu tư là: 84.340 triệu đồng, trong đó: vốn đã đầu tư đến năm 2015 là 23.900 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 40.454 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 8.253 triệu đồng và vốn lồng ghép là 11.733 triệu đồng; kinh phí đã được phân bổ cho dự án là 68.552 triệu đồng; giá trị giải ngân là 67.938 triệu đồng, trong đó: vốn đã đầu tư đến năm 2015 là 23.900 triệu đồng, Ngân sách Trung ương 34.500 triệu đồng, ngân sách tỉnh 8.253 triệu đồng, vốn lồng ghép là 1.285 triệu đồng. Đến nay, dự án đã triển khai thực hiện xong phần hệ thống đường giao thông trong khu quy hoạch, đường giao thông ngoại vùng và hệ thống điện trung thế.

Hiện đang triển khai thi công phần cơ sở hạ tầng tại khu dân cư, như: Hạng mục san gạt bố trí dân cư; Hệ thống cấp nước sinh hoạt; nhà công vụ, hội trường thôn, trạm y tế và đường giao thông nội vùng. UBND huyện đã chỉ đạo giải quyết các vướng mắc trong công tác đền bù GPMB; đồng thời có văn bản đề nghị UBND tỉnh bổ sung nguồn kinh phí để tiếp tục triển khai và sẽ hoàn thành các hạng mục còn lại vào cuối năm 2022.

7. Dự án Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông.

Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 16/12/2021. Dự án có tổng mức đầu tư khoảng 224.400 triệu đồng, trong đó: kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 13.458 triệu đồng. Ủy ban nhân dân huyện đã phê duyệt phương án bồi thường và Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã tạm ứng kinh phí của đơn vị với số tiền là 2.150 triệu đồng để chi trả cho 03 hộ dân, còn lại 08 hộ chưa nhận tiền do chưa thống nhất với phương án bồi thường.

Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành mở thầu, lựa chọn nhà đầu tư; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả sơ bộ hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án. Sau khi hoàn tất thủ tục phê duyệt nhà đầu tư và lập thủ tục cấp phép xây dựng; dự kiến trong quý 1/2023 dự án sẽ bắt đầu khởi công xây dựng.

8. Dự án Bến xe trung tâm huyện.

Hiện nay, huyện đang lập quy hoạch điều chỉnh chung Thị trấn Bằng Lãng và điều chỉnh vị trí xây dựng bến xe trung tâm huyện theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy; sau khi quy hoạch chung được phê duyệt, đơn vị tư vấn sẽ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

(Chi tiết theo phụ lục số 01)

II. Các công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

1.1. Dự án: Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng & Nâng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men

- Xây dựng đập Đạ Ri Ông - xã Rô Men. UBND huyện đã lập tờ trình đề xuất chủ trương đầu tư nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Dự án: Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng. Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện đang khảo sát, lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

1.2. Dự án: Đường từ xã Đạ Tông, huyện Đam Rông đi xã Đưng K'Nớh, huyện Lạc Dương;

- Dự án tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 01/10/2021, với chiều dài 18,9km, quy mô đường cấp IV miền núi, tổng mức đầu tư 600.000 triệu đồng; dự án được điều chỉnh tên dự án và chủ đầu tư tại các Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 15/10/2021, Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 13/6/2022. Hiện nay, Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh đang triển khai thực hiện dự án theo tiến độ đã được phê duyệt.

1.3. Dự án: Đường từ trung tâm huyện Đam Rông đi Quốc lộ 27

Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; tổng mức đầu tư là: 105,895 triệu đồng, do Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện làm chủ đầu tư. Đến nay, đã hoàn thành công tác đền bù GPMB và đang triển khai các hạng mục của phần nền đường và phần cầu.

Kinh phí đã cấp là: 65.000 triệu đồng, đã giải ngân là: 33.618 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51,72%. Trong đó, năm 2022 cấp là 30.000 triệu đồng, đã giải ngân được 29.000 triệu đồng, đạt tỷ lệ 96,67%; nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022 là 30.382 triệu đồng, giá trị giải ngân được 4.954 triệu đồng, đạt tỷ lệ giải ngân là: 16,30%.

1.4. Dự án: Hoàn thiện hệ thống nước sạch 8/8 xã.

UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT đưa 08 dự án nước sạch trên địa bàn huyện vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện. Hiện nay, UBND huyện đã gửi tờ trình kèm hồ sơ 03 dự án tại 3 xã Rô Men, Đạ Rsal và Liêng Srônh nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, làm cơ sở thực hiện theo lộ trình kế hoạch đầu tư công. Đối với 05 dự án còn lại, Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện đang khảo sát, lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư; sau khi hoàn thiện hồ sơ, sẽ nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

1.5. Dự án: Ổn định dân di cư tự do Tây Sơn và 179 - xã Liêng Srônh

Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 02/12/2021. Dự án có tổng mức đầu tư 159.784 triệu đồng; vốn được cấp 10.763 triệu đồng, đã giải ngân 6.021 triệu đồng, số còn lại đang chờ quyết định chuyển nguồn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đến nay, đã tổ chức trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và cung cấp thiết bị các hạng mục công trình dân dụng nhưng do khu vực thực hiện dự án xa xôi và 02 khu vực thực hiện dự án cách xa nhau nên không có nhà thầu tham gia. UBND huyện đã lập tờ trình xin điều chỉnh tách thành 02 gói thầu riêng biệt (01 gói thầu thực hiện tại 179 và 01 gói thầu thực hiện tại khu vực Tây Sơn) để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu lần 2; đồng thời, UBND huyện đã lập tờ trình đề nghị UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí để tiếp tục triển khai thực hiện dự án nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhân dân trong khu vực.

1.6. Dự án sắp xếp ổn định dân cư tiểu khu 181, xã Liêng Srônh

Căn cứ Thông báo số 118-TB/TU ngày 07/7/2021 của Tỉnh ủy; Công văn số 4762/UBND-KH ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 7489/BNN-KTHT ngày 09/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chủ trương thực hiện dự án sắp xếp ổn định dân cư tiểu khu 181, xã Liêng Srônh. UBND huyện đã lập tờ trình đề xuất chủ trương đầu tư nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

1.7. Các dự án còn lại. Trong 19 dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến nay có 05 dự án đã hoàn thành hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; còn lại 14 dự án, Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện đang khảo sát, lập hồ sơ dự án đầu tư; sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

(Chi tiết theo phụ lục số 02)

2. Các công trình thu hút đầu tư

Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh, huyện Đam Rông có 13 dự án thu hút đầu tư, trong đó có 03 dự án nằm trong danh mục các công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện; tình hình triển khai thực hiện các dự án còn lại như sau:

2.1. Dự án: Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông (theo nội dung đã báo cáo tại mục 7, phần I ở trên);

2.2. Dự án: Bến xe trung tâm huyện (theo nội dung đã báo cáo tại mục 8, phần I ở trên);

2.3. Đầu tư xây dựng trạm dừng chân và khu dân cư Trung tâm Bằng Lăng.

Dự án có 01 nhà đầu tư quan tâm; hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; UBND huyện lấy ý kiến của Sở Xây dựng để làm cơ sở phê duyệt quy hoạch chi tiết; đồng thời hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành thủ tục, hồ sơ dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

2.4. Dự án Khu dân cư Đông Nam (khu B), huyện Đam Rông

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án đầu tư tại Quyết định số 184/QĐ-UBND. Tuy nhiên do tên dự án không phù hợp với quy hoạch chi tiết khu dân cư Đông Nam. UBND huyện đã lập Tờ trình gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xin điều chỉnh danh mục dự án thành: Dự án Khu dân cư Đông Nam, huyện Đam Rông (giai đoạn 2). Sau khi được điều chỉnh sẽ hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục trình chấp thuận chủ trương thực hiện dự án.

2.5. Dự án Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Phi Liêng

- UBND huyện đã phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết; đồng thời, chấp thuận nhà tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết.

- Hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lấy ý kiến các sở ngành và các đơn vị có liên quan; sau khi hoàn thiện, UBND huyện sẽ phê duyệt quy hoạch chi tiết.

- Dự án có 01 nhà đầu tư quan tâm, UBND huyện đang hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành thủ tục, hồ sơ dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định sau khi quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

2.6. Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Tông

- UBND huyện đã phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết; đồng thời, chấp thuận nhà tài trợ kinh phí lập quy hoạch. Hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lấy ý kiến các sở ngành và các đơn vị có liên quan; sau khi hoàn thiện, UBND huyện sẽ phê duyệt quy hoạch chi tiết.

- Dự án có 02 nhà đầu tư quan tâm, UBND huyện đang hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành thủ tục, hồ sơ dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định sau khi quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

2.7. Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Bằng Lãng

Dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết năm 2017. Hiện có 01 nhà đầu tư quan tâm, UBND huyện đang hướng dẫn nhà đầu tư hoàn tất thủ tục lập dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2.8. Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Rsal

- UBND huyện đã phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết; đồng thời, chấp thuận nhà tài trợ kinh phí lập quy hoạch. Hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lấy ý kiến các sở ngành và các đơn vị có liên quan; sau khi hoàn thiện, UBND huyện sẽ phê duyệt quy hoạch chi tiết.

- Dự án có 01 nhà đầu tư quan tâm, UBND huyện đang hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành thủ tục, hồ sơ dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định sau khi quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

2.9. Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lãng.

- Hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lấy ý kiến các sở ngành và các đơn vị có liên quan.

- Dự án có 01 nhà đầu tư quan tâm, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản lấy ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu văn bản tham gia ý kiến thẩm định theo đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành thủ tục, hồ sơ dự án đầu tư nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2.10. Các dự án còn lại.

Hiện nay, đơn vị tư vấn đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để có số liệu hoàn thành hồ sơ dự án nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định theo quy định.

(Chi tiết theo phụ lục số 03)

3. Các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư hạ tầng

Theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn huyện Đam Rông có 08 dự án đầu tư giá đất tạo vốn đầu tư hạ tầng; tình hình triển khai thực hiện như sau:

3.1. Đất trụ sở Trung tâm nông nghiệp

Dự án có 01 nhà đầu tư quan tâm, UBND huyện đang hướng dẫn nhà đầu tư hoàn tất thủ tục lập dự án đầu tư. Hiện nay, đang hoàn tất hồ sơ đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương theo hình thức Đấu giá quyền sử dụng đất.

3.2. Đất đã quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng

UBND tỉnh đã phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá. Ban QLDA ĐTXD&CTCC; Phòng Tài nguyên và Môi trường đang lập hồ sơ, thủ tục trình HĐND tỉnh phê duyệt danh mục dự án thu hồi đất và UBND tỉnh đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

3.3. Các dự án còn lại (06 dự án): Hiện nay, đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định.

(Chi tiết theo phụ lục số 04)

III. Đánh giá chung

1. Đối với 08 công trình trọng điểm giai đoạn 2015-2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025.

Đến nay, có 7/8 dự án đã và đang triển khai thực hiện; còn lại 01 dự án là Bến xe trung tâm huyện đang chờ thủ tục điều chỉnh quy hoạch chung Thị trấn Bằng Lũng. Sau khi quy hoạch chung được phê duyệt, đơn vị tư vấn sẽ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

2. Các công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

2.1. Công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025, gồm 08 dự án, trong đó 06 dự án sử dụng ngân sách nhà nước, hiện nay 06/06 dự án đang triển khai thực hiện;

- Đối với 19 dự án ưu tiên sử dụng nguồn Ngân sách nhà nước, đến nay có 05 dự án đã hoàn thành hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư nộp Sở KH&ĐT thẩm định; còn lại 14 dự án, Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện đang khảo sát, lập hồ sơ dự án đầu tư; sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

2.2. Các dự án thu hút đầu tư

Trên địa bàn huyện Đam Rông có 13 dự án thu hút đầu tư; đến nay, có 06 dự án đang được triển khai thực hiện, gồm: Dự án Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả sơ bộ hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án và 05 dự án đầu tư đang triển khai lập dự án (*Khu dân cư Phi Liêng, Đạ Rsal, Đạ Tông; Trạm dừng chân và khu dân cư Bằng Lũng; Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lũng*). Các dự án còn lại, UBND huyện đang chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lấy ý

kiến của các sở ngành, đơn vị liên quan để hoàn thiện, trình phê duyệt làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo; đồng thời giao các phòng ban chuyên môn hướng dẫn các nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư để nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.3. Các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư hạ tầng

Trên địa bàn huyện có 08 dự án đầu tư giá đất tạo vốn đầu tư hạ tầng. Hiện nay, đang triển khai 02 dự án (*Khu dân cư Đa Mùl, xã Đa K'Nàng và Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lăng*). Các dự án còn lại, đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các công trình trọng điểm, giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2022, kính gửi Văn phòng Huyện ủy xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Các Đ/c UVBT Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- BCĐ thực hiện CTTĐ;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Đức Bắc

BIỂU TỌNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA HUYỆN ĐAM RÔNG


(Kèm theo Báo cáo số: 99 /BC-TCKH, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đam Rông)

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
I	Công trình trọng điểm giai đoạn 2015-2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025						
1	Công trình nước sạch Đạ Rsal	1.200m ³ /ngày đêm	2016-2020	28.446	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng	
2	Đường giao thông từ Brông Rét xã Rô Men đi xã Đạ M'Rông						Sở Giao thông vận tải Lâm Đồng làm chủ đầu tư
2.1	Giai đoạn 1 (Nâng cấp đường ĐT.724 và xây dựng 03 cầu, thông tuyến đường ĐT.721, tỉnh Lâm Đồng)	16,33km	2017-2020	794.053	Ngân sách tỉnh	Đã hoàn thành giai đoạn 1	
2.2	Giai đoạn 2 (từ km64+509-km71+17)	6,67km	2022-2024	70.000		Dự án đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch đầu tư năm 2022	
3	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	Diện tích san gạt mặt bằng 3.952m ² ; xây dựng 08 phòng học.	2019-2020	6.000	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT30a)	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng	
4	Đường cứu hộ cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men	Đường khu nhà ở đô thị; chiều dài: 14.143m, gồm 36 đường trục và 01 vòng xoay; kết cấu mặt đường bê tông nhựa dày 7cm, Eyc=127 M-pa, cấp phối đá dăm dày 30cm; hệ thống vỉa hè, bó vỉ, thoát nước dọc	2017-2020	324.000	Ngân sách Trung ương bố trí 200.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh bố trí 124.000 triệu đồng.	Dự án đã hoàn thành xong gói thầu số 1 với tổng chiều dài 2.710m. Gói thầu số 2b đang tiếp tục làm phần nền đường trong khu dân cư Đông Nam; đang thực hiện công tác đền bù GPMB các khu còn lại để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công gấp rút thi công hoàn thiện	

SĐT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
5	Đập thủy lợi Bằng Lăng	Diện tích tưới 300ha (2 xã Rô Men - Liêng Srônh)	2021-2022	56.000	Ngân sách tỉnh: 52.300 triệu đồng; ngân sách huyện: 3.700 triệu đồng	Dự án đang triển khai thực hiện; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2022	
6	Các hạng mục công trình thuộc Dự án tái định canh, định cư khu Đạ MPô (TK176 - xã Liêng Srônh)	127 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	2021-2022	84.340	Ngân sách Trung ương: 40.454 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 43.886 triệu đồng	Đến nay, cơ bản các hạng mục của dự án đã triển khai thực hiện, còn lại hạng mục Hồ thủy lợi chưa triển khai; kế hoạch trong năm 2022 sẽ tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thành dự án	
7	Trung tâm Thương mại và Chợ Bằng Lăng (Dự án Xây dựng quán lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông)	Chợ hạng 2, tổng diện tích 15,561m ² gồm chợ truyền thống 144 điểm kinh doanh, mua bán ngoài trời 46 điểm, khu mua sắm các mặt hàng cao cấp 99 điểm, khu mua sắm kinh doanh 38 điểm. Mật độ xây dựng 49,1%, xây dựng 03 tầng	2022-2024	224.400	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 16/12/2021. Sở KH&ĐT đã thẩm định xong hồ sơ năng lực sơ bộ của nhà đầu tư; hiện nay, đang trình UBND tỉnh phê duyệt. Dự kiến trong quý I/2023 dự án sẽ bắt đầu khởi công xây dựng và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2024	
8	Bến xe trung tâm huyện	2,1ha	2021-2023	100.000	Dự án thu hút đầu tư	Hiện nay, huyện đang lập quy hoạch điều chỉnh chung Thị trấn Bằng Lăng; sau khi quy hoạch chung được phê duyệt, đơn vị tư vấn sẽ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
II	Công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020-2025						
1	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	2.000 chỗ ngồi; diện tích XD 2.204m ² ; diện tích sàn 2.094	2022-2024	37.600	Ngân sách tỉnh	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đang khảo sát lập chủ trương đầu tư	
2	Hồ thủy lợi thôn Dạ Pin, xã Dạ K'Nàng & Nâng cấp Hồ Dạ Ri Ông - xã Rô Men					Hiện nay, UBND huyện đã lập tờ trình đề xuất chủ trương đầu tư nộ p Sở KH&ĐT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	
2.1	Dự án Nâng cấp Hồ Dạ Ri Ông - xã Rô Men	DT tưới 178ha	2022-2024	45.000	Ngân sách tỉnh		
2.2	Dự án Hồ thủy lợi thôn Dạ Pin, xã Dạ K'Nàng	DT tưới 200ha	2022-2024	31.400	Ngân sách tỉnh	đang khảo sát, lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư nộ p Sở KH&ĐT thẩm định	
3	Đường xã Dạ Tông, huyện Đam Rông đi xã Đưng K'Nớh, huyện Lạc Dương (Tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk)	Dự án nằm trong dự án xây dựng tuyến đường ĐT.729 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Bình Thuận và tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk	2021-2024	600.000	Ngân sách Trung ương 500.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh 100.000 triệu đồng.	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyet chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 và được điều chỉnh tại các Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 15/10/2021, Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng làm chủ đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
4	Đường từ trung tâm huyện Đam Rông đi Quốc lộ 27	860m và 1 cầu BTCT + 02 cống hộp	2021-2024	105.985	Ngân sách Trung ương	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020. Hiện đang triển khai thực hiện dự án.	
5	Trạm dừng chân Bằng Lăng (Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng chân và khu dân cư Trung tâm Bằng Lăng, huyện Đam Rông)	10,63ha	2022-2025	200.000	Dự án thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn để hoàn thiện trình UBND huyện phê duyệt.	
6	Hoàn thiện hệ thống nước sạch 8/8 xã						
6.1	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Nâm, Păng Pé Dong, xã Đạ Rsal	600 hộ dân	2022-2024	19.000	Ngân sách tỉnh	Hiện nay, UBND huyện đã gửi tờ trình kèm hồ sơ dự án tại 3 xã Rô Men, Đạ Rsal và Liêng Srônh nộp Sở KH&ĐT thẩm định, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, làm cơ sở thực hiện theo lộ trình kế hoạch đầu tư công.	
6.2	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ dân	2022-2024	20.000	Ngân sách tỉnh		
6.3	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ dân	2022-2024	18.000	Ngân sách tỉnh		
6.4	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3, xã Đạ Rsal	400 hộ dân	2022-2024	8.000	Ngân sách tỉnh		

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
6.5	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Dong Glê và thôn Boóp La, xã Phi Liêng	1.200 hộ dân	2022-2024	35.000	Ngân sách tỉnh	UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT đưa 08 dự án nước sạch trên địa bàn huyện vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Đam Rông để triển khai thực hiện. Sau khi có chủ trương đầu tư, UBND huyện sẽ chỉ đạo lập hồ sơ và các thủ tục đầu tư theo quy định	
6.6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đa Mui, Đa K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đa K'Nàng	900 hộ dân	2022-2024	22.000	Ngân sách tỉnh		
6.7	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đa Kao 1, 2; Liêng Trang 1, 2; Mê Ka; N'Tôl xã Đa Tông	750 hộ dân	2022-2024	23.000	Ngân sách tỉnh		
6.8	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt Đầm Ròn, xã Đa M'Rông	820 hộ dân	2022-2024	5.000	Ngân sách tỉnh		
7	Dự án xử lý rác thải						
7.1	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	5,3ha, công suất 20m ³ /giờ	2022-2025	60.000	Dự án thu hút đầu tư	ĐA đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, Phòng KT&HT đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT xem xét, đưa dự án vào danh mục kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, chưa được phê duyệt.
7.2	Dự án xử lý rác thải khu vực Đa Tông - Đa Long	6,1ha, công suất 20m ³ /giờ		60.000			
7.3	Dự án xử lý rác thải khu vực Phi Liêng - Đa K'Nàng	5,3ha, công suất 15m ³ /giờ		40.000			

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
8	Ổn định dân di cư tự do Tây Sơn và 179 - xã Liêng Srônh	192 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	2021-2024	159.784	Ngân sách Trung ương 142.003 triệu đồng; ngân sách tỉnh 17.781 triệu đồng.	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyet chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020) ; UBND tỉnh phê duyet dự án đầu tư (Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 02/12/2021) . Chủ đầu tư đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và cung cấp thiết bị các hạng mục công trình dân dụng. Hiện nay, UBND huyện đã lập tờ trình gửi UBND tỉnh cấp kinh phí để tiếp tục triển khai dự án	

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN UỖ TIỀN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số: **BC-TCKH**, ngày **12/3** tháng 6 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đam Rông)

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
Tổng cộng					
1	Nâng cấp hồ Đa Ri Ông, xã Rô Men	DT tưới 178ha	45.000	2022-2025	Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở KH&ĐT thẩm định
2	Xây dựng hồ thủy lợi thôn Đa Pin, xã Đa K'Nàng	DT tưới 200ha	31.400	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	DTXD 2.264m ² ; DTS 2.694m ²	40.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
4	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ (750 hộ xã Liêng Srônh + 700 hộ xã Rô Men)	20.000	2022-2025	Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở KH&ĐT thẩm định
5	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Năm, Păng Pé Dong, xã Đa Rsal	600 hộ	19.000	2022-2025	Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở KH&ĐT thẩm định
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đa Mul, Đa K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đa K'Nàng	900 hộ	22.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ	18.000	2022-2025	Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở KH&ĐT thẩm định
8	Xây dựng Trường TH Đa K'Nàng	03 khối 24 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.728m ² ; DT sân: 3.350m ²	54.500	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư


Sst	Danh mục công trình		Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3		4	5	6
9	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	105 hộ dân, hình thức bố trí tập trung		90.000	2022-2025	Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở KH&ĐT thẩm định
10	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do 179 xã Liêng Srônh	17,8km - BTXM dày 20cm		99.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
11	Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đạ Nhinh 1 + 2, xã Đạ Tông	435m + 2 cầu BTCT		34.410	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
12	Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	13km - BTXM dày 22cm		95.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
13	Xây dựng Trường MN Bằng Lăng	4 khối 16 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.579m ² ; DT sân: 2.551m ² .		35.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
14	Gia cố bờ sông Đa Tể, xã Đạ M'Rông (Giai đoạn 2)	1km		24.200	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
15	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do Tây Sơn xã Phi Liêng	10km		75.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
16	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	5km		30.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
17	Xây dựng kè sạt lở và nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông	13,1km nâng cấp, mở rộng đường và 2,5 km kè sạt lở		85.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
18	Kè sạt lở đường vào khu quy hoạch Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	1km		35.000	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư
19	Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tô, xã Đạ K'Năng	4,5km		14.950	2022-2025	Đang khảo sát lập chủ trương đầu tư

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ

/BC-TCKH, ngày tháng 6 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đam Rông)

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Trung tâm Thương mại và Chợ Bằng Lăng (Dự án Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông)	Chợ hạng 2, tổng diện tích 15,561m ² gồm chợ truyền thống 144 điểm kinh doanh, mua bán ngoài trời 46 điểm, khu mua sắm các mặt hàng cao cấp 99 điểm, khu mua sắm kinh doanh 38 điểm. Mật độ xây dựng 49,1%, xây dựng 03 tầng	2022-2024	224.400	Thu hút đầu tư	Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 16/12/2021. Hiện nay, Sở KH&ĐT đã thẩm định hồ sơ năng lực của nhà đầu tư. Dự kiến trong quý I/2023 dự án sẽ bắt đầu khởi công xây dựng và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2024	Dự án nằm trong danh mục Công trình trọng điểm mới giai đoạn 2020 - 2025 (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025)
2	Trạm dừng chân Bằng Lăng (Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng chân và khu dân cư Trung tâm Bằng Lăng, huyện Đam Rông)	10,63ha	2022-2025	200.000	Thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các sở ngành và các đơn vị có liên quan; sau khi hoàn thiện sẽ phê duyệt.	
3	Bến xe trung tâm huyện	2,1ha	2022-2025	100.000	Thu hút đầu tư	Sau khi quy hoạch chung được phê duyet, đơn vị tư vấn sẽ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
4	Dự án Khu dân cư Đông Nam (khu B), huyện Đam Rông. Dự án Khu dân cư Đông Nam, huyện Đam Rông (giai đoạn 2).	5	2022 - 2025	50.000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã có Tờ trình gửi UBND tỉnh, Sở KH&ĐT xin điều chỉnh danh mục dự án cho phù hợp với quy hoạch chi tiết Trung tâm Thị trấn Bằng Lũng.	
5	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Phi Liêng	26	2022 - 2025	300.000	Thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan để hoàn thiện, trình UBND huyện phê duyệt.	X.H.C.N HÔNG CHÍNH HĐẠC 3.T.V
6	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Tổng	8,06	2022 - 2025	80.000	Thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan để hoàn thiện, trình UBND huyện phê duyệt.	
7	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Bằng Lũng	5,6	2022 - 2025	65.000	Thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan để hoàn thiện, trình UBND huyện phê duyệt.	
8	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Rsal	36,5	2022 - 2025	385.000	Thu hút đầu tư	Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đã lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đang lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan để hoàn thiện, trình UBND huyện phê duyệt.	

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (<i>khởi công - hoàn thành</i>)	Tổng mức đầu tư (<i>triệu đồng</i>)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
9	Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lăng	0,41	2023 - 2025	100.000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu văn bản tham gia ý kiến thẩm định theo đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
10	Khu du lịch sinh thái thác Bảy Tầng	36,4	2023 - 2025	100.000		Hiện nay, có nhà tài trợ kinh phí lập quy hoạch 03 dự án; UBND huyện đã giao Phòng KT&HT lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan; hoàn thiện và phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo	
11	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	5,3	2023 - 2025	60.000			
12	Xây dựng sân Golf, làng đô thị xanh ven hồ và du lịch sinh thái rừng trên địa bàn xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	486	2023 - 2025	1.215.000			
13	Cụm công nghiệp Liêng Srônh	35,4	2023 - 2025	200.000			

TỔNG HỢP DỰ ÁN THỰC HIỆN CƠ CHẾ ĐÁU GIÁ ĐẤT TẠO VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

(Kèm theo Báo cáo số: 99 /BC-TCKH, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đam Rông)

Stt	Tên đề án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (m2)	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Đất đã Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư Đạ M'ul, xã Đạ K'Nàng	Thôn Đạ M'ul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	15.868	Năm 2022	Đang lập hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.	Đang bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022
2	Đất Trại Y tế xã Phi Liêng cũ	Thôn Trung tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2.840	Năm 2022	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	Thửa đất số 61 - Tờ Bản đồ số 11
3	Đất Trường MN Đạ Rsal - Điểm trường Phi Có	Thôn Phi có, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2.113	Năm 2022	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	Giấy CNQSDĐ số CT00211
4	Đất Trường MN Đạ M'Rông - Điểm trường Liêng K'rắc 1	Thôn Liêng K'rắc 1, xã Đạ M'Rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	1.078	Năm 2022	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	Số đo
5	Trường TH Lăng Tỏ - Điểm trường Pul	Thôn Pul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	9.900	Năm 2022	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	QĐ số 3251/QĐ-UBND
6	Trường TH Đạ K'Nàng - Điểm trường Chính	Thôn Đạ K'Nàng, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3.990	Năm 2024	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	Giấy CNQSDĐ số P 804425
7	Trường MN Bằng Lăng	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3.567	Năm 2024	Đang khảo sát lập các thủ tục, hồ sơ để triển khai thực hiện theo quy định	QĐ số 3337/QĐ-UBND ngày 31/12/2009; QĐ số 2202/QĐ-UBND ngày 01/11/2013
8	Đất trụ sở Trung tâm Nông nghiệp	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2.748	Năm 2024	Nhà đầu tư đang lập dự án đầu tư	Văn bản số 8559/UBND-ĐC ngày 06/12/2007 của UBND tỉnh